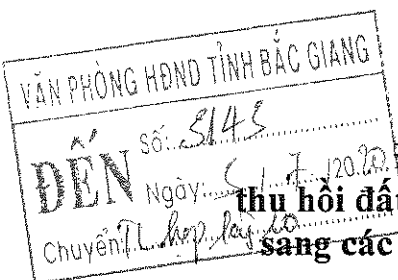


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 192 /TTr – TNMT

Bắc Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2020



TỜ TRÌNH

Đề nghị bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cùm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 48NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 457/TTr-TNMT ngày 30/6/2020.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang, cụ thể như sau:

1. Bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020.

1.1. Sự cần thiết phải bổ sung danh mục.

Năm 2020 là năm cuối thực hiện quy hoạch sử dụng đất các cấp giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch đầu tư 5 năm 2016-2020. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018; UBND tỉnh đã điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 các huyện, thành phố.

Thực hiện quy định tại Khoản 8, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ: “Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình UBND cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo”.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 24/5/2020 điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố và Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh. Do vậy, để có căn cứ thực hiện những dự án, công trình phát sinh cần phải bổ sung danh mục dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

1.2. Đề nghị thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 như sau:

a) Dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai có sử dụng diện tích đất trồng lúa từ 10 ha trở lên: 02 dự án, diện tích 33,9 ha, trong đó đất trồng lúa 32,9 ha, đất khác 1,0 ha.

b) Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha: 167 dự án, công trình, diện tích 381,7ha, trong đó: đất trồng lúa 242,8 ha; đất khác 138,9 ha.

c) Các dự án đất quốc phòng, an ninh sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha: 03 dự án, diện tích đất trồng lúa 5,48 ha.

d) Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha (đã thực hiện thu hồi đất theo Nghị quyết của HĐND tỉnh từ năm 2019 nhưng chưa chuyển mục đích sử dụng đất): 10 dự án, diện tích đất trồng lúa 7,92 ha.

e) Các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất: 30 dự án, công trình với diện tích đất trồng lúa 52,2 ha.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

2.3. Đề nghị HĐND tỉnh cho phép trích lập dự phòng quỹ đất khoảng 100,0 ha đất lúa để thực hiện các công trình, dự án cấp bách và các công trình, dự án phát sinh đến cuối năm 2020.

2. Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa về huyện Lạng Giang.

2.1. Sự cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu

Cụm công nghiệp Đoàn Bái được mở rộng và điều chỉnh chủ đầu tư tại Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh, diện tích sau khi mở rộng là 69,8 ha (trong đó phần diện tích tăng thêm là 27 ha). Tuy nhiên, đến nay nhà đầu tư chưa triển khai các thủ tục để thu hồi đất, GPMB đối với phần diện tích tăng thêm, do vậy đến hết năm 2020 không có khả năng thực hiện hết diện tích mở rộng. Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang có diện tích là 26,5 ha, do UBND huyện làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, đến nay toàn bộ diện tích đã GPMB và thực hiện các dự án đầu tư. Ngày 3/6/2020, UBND tỉnh có Công văn số 2390/UBND-CN khảo sát mở rộng Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa. Tuy nhiên thiếu quỹ đất cụm công nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất, do vậy cần điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp cho huyện Lạng Giang.

2.2. Cơ sở pháp lý

Theo điểm c, Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “trong trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp thông qua, chỉ đạo cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện”.

2.3. Nội dung điều chỉnh

a) Điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, với diện tích 12,0 ha; diện tích cụm công nghiệp Đoàn Bái sau khi điều chỉnh là: 57,8 ha.

b) Điều chỉnh tăng diện tích đất cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, diện tích 12,0 ha; diện tích cụm công nghiệp Nghĩa Hòa sau khi điều chỉnh là 38,5 ha.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. TN. Tháng.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và MT;
- VP. UBND tỉnh: L&VP, các phòng CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

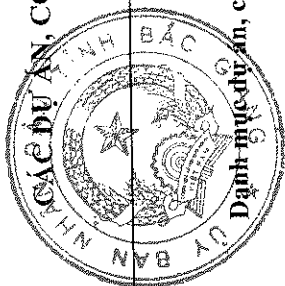


Lại Thanh Sơn



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THU HỒI ĐẤT;
CÔNG TRÌNH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020**

(Kèm theo Tờ trình số 192/TT-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)



STT	Dự án, công trình, công trình chuyên mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA TỪ 10 HA TRỞ LÊN						
1	Cụm công nghiệp Đại Lâm	Xã Đại Lâm	149.000,0	149.000,0			Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh
2	Dự án Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa:	Hiệp hòa	190.000,0	180.000,0	10.000,0		Quyết định số 210/QĐ- UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh phê duyệt BC nghiên cứu khả thi
	Tổng		339.000,0	329.000,0	10.000,0		
B	CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA						
I	HUYỆN HIỆP HÒA						
1	Trường Mầm non xã Đại Thành	Đại Thành	500,0	500,0		500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 86a ngày 15/8/2019 của UBND xã Đại Thành
2	Trường Tiểu học xã Châu Minh	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
3	Trường Mầm non xã Châu Minh	Châu Minh	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
4	Sân thể thao	Châu Minh	5.500,0	5.500,0		5.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
5	Nhà văn hoá thôn Ngọ Xã	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
6	Nhà văn hoá thôn Ngọc Liên	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
7	Nhà văn hóa T.ô dân phố số 2	Thị trấn Thăng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14
8	Nhà văn hóa thôn Khánh, thôn Giữa	Lương Phong	4.000,0		4.000,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
9	Đường giao thông nông thôn	Xã Châu Minh	700,0	700,0		700,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
10	Đất thuê lợi (hoàn trả nương do thu hồi đất để thực hiện dự án CCN Hà Thịnh)	Hợp Thịnh, Đại Thành	60.000,0	60.000,0		60.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
11	Cải tạo, nâng cấp cống Đại La đê tả Cầu	Mai Trung, Hợp Thịnh	20.000,0	20.000,0		20.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
12	Cải tạo, nâng cấp cống Yên Ninh đê tả Cầu	Đông Lỗ	500,0	500,0		500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
13	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trạm bơm Ngõ Khố/II	Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình, Bắc Lý	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
14	KDC thôn Ngõ Xá	Châu Minh	10.000,0	10.000,0		10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh
15	KDC thôn Ngọc Liên	Châu Minh	3.600,0		3.600,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh
16	KDC thôn Trung Tâm	Hoàng Thanh	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 564a/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện
17	KDC Danh Thắng (giai đoạn 2) bổ sung diện tích	Danh Thắng	5.000,0	5.000,0		5.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
18	Thu hồi bỏ sung diện tích đất nông nghiệp do ảnh hưởng bởi thu hồi đất dự án Đường vành đai IV - tuyến nhánh 2	Đông Lỗ	18.000,0	18.000,0		18.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Văn bản số 2096/UBND-TN ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh
19	Trụ sở tiếp dân kết hợp nhà làm việc Đài phát thanh huyện	TT. Thắng	2.500,0	2.500,0		2.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND huyện
20	Đất trụ sở cơ quan	TT. Thắng	1.300,0	1.300,0		1.300,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh;
21	Trạm y tế xã Danh Thắng	Danh Thắng	2.500,0	2.000,0	500,0	2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND xã Danh Thắng
22	Dự án đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Hiệp hòa	18.000,0	15.000,0	3.000,0	15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 3731/QĐ-EVNNPC ngày 05/01/2017 của Tổng công ty điện lực miền Bắc
23	Khu xử lý chất thải rắn (điều chỉnh vị trí quy hoạch)	Đông Lỗ	48.000,0	48.000,0		48.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND huyện
II	HUYỆN YÊN DŨNG						
24	Khu dân cư thôn Yên Tập Bến	Yên Lư	16.000,0	14.000,0	2.000,0	14.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
25	Khu dân cư Bắc Am	Tư Mại	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
26	Khu dân cư Đông Khánh, Tân Ninh	Tư Mại	10.000,0	8.000,0	2.000,0	8.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
27	Khu dân cư thôn Đổng Cao	Tư Mại	18.000,0	16.000,0	2.000,0	16.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
28	Khu dân cư thôn Hưng Thịnh, Phùng Hưng	Tư Mại	22.000,0	22.000,0		22.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
29	Khu dân cư Tân Hưng	Tư Mại	12.000,0	6.000,0	6.000,0	6.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
30	Khu dân cư thôn Đông Hương, Kem, Phương Sơn	TT Nham Biền	73.000,0	65.000,0	8.000,0	65.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
31	Khu dân cư thôn Nhất, Tây	Cánh Thụy	47.000,0	40.000,0	7.000,0	40.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
32	Khu dân cư thôn Tiên Phong	Nội Hoàng	91.000,0	81.000,0	10.000,0	81.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
33	Khu dân cư Hương Gián	Hương Gián	30.000,0	25.000,0	5.000,0	25.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
34	Khu đô thị mới số 1	TT Tân An	52.600,0	52.600,0		52.600,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
35	Khu đất ở Tiên Phong (bổ sung diện tích khu dân cư thôn Tân Mỹ, xã Đông Sơn)	Tiên Phong	400,0	400,0		400,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
36	Sân thể thao thôn Yên Tập Bắc	Yên Lư	4.000,0	4.000,0		4.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
37	Sân thể thao xã Hương Gián	Hương Gián	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
38	Nghĩa trang, nghĩa địa thôn Phụng Hưng	Tư Mại	7.000,0	7.000,0		7.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
III	THÀNH PHỐ BẮC GIANG						
39	Khu dân cư dọc 2 bên đường giao thông từ khu vực NVH thôn Sầu đi thôn Thanh Mai	Đa Mai	90.700,0	10.000,0	80.700,0	10.000,0	Quyết định 4520/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh
40	Dự án: nâng cấp, mở rộng đường gom bên trái tuyến QL1 đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao Hùng Vương và cải tạo nút giao Hùng Vương	TP Bắc Giang	25.700,0	23.500,0	2.200,0	23.500,0	NQ 11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND
41	Xây dựng đường nối từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Võ Nguyên Giáp và cầu vượt qua đường tỉnh 295B (bổ sung)	Đa Mai, Song Mai, Tân Mỹ	42.000,0	40.000,0	2.000,0	40.000,0	Quyết định 3175/QĐ-UBND, 31/10/2018 của CT UBND thành phố
42	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước khu vực trạm bơm Châu Xuyên 1, TPBG	Lê Lợi Tân Tiến	4.000,0	500,0	3.500,0	500,0	Quyết định 1884/QĐ-UBND, 31/12/2019 của CT UBND thành phố
43	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cầm, trạm bơm Tân Tiến	Tân Tiến	1.000,0	1.000,0		1.000,0	QĐ số 92/QĐ-UBND ngày 12/2/2020; QĐ số 93/QĐ-UBND ngày 12/2/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
44	Khu đô thị số 14, thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (quy mô 23,36ha)	Tân Tiến	60.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh
45	Khu đô thị mới Đồng Sơn – Tiền Phong	Đồng Sơn	100.000,0	95.000,0	5.000,0	95.000,0	Quyết định số 343/QĐ- UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT
46	Trường Tiểu học Đồng Sơn	Đồng Sơn	17.400,0	16.000,0	1.400,0	16.000,0	QĐ số 3179 ngày 31/10/2018 của UBND TP
47	Khu dân cư Tân Mai	Đa Mai	21.193,0	5.400,0	15.793,0	5.400,0	QĐ số 2409/QĐ-UBND ngày 4/8/2015; QĐ số 3181/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của CT UBND TP về việc điều chỉnh dự án
48	Khu đô thị Đa Mai - Song Mai 2	Đa Mai, Song Mai	50.000,0	30.000,0	20.000,0	30.000,0	Quyết định số 108/QĐ- UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT
49	Đường giao thông từ thôn Tân Mỹ đi thôn Phấn Sơn, xã Đồng Sơn, TPBG (đoạn bỏ sung)	Đồng Sơn	18.000,0	18.000,0		18.000,0	QĐ số 691 ngày 05/3/2020 của CT UBND TP (bổ sung diện tích)
50	Trường chính trị tỉnh (quy mô 4ha gồm Tân Tiến, Dĩnh Kế)	Dĩnh Kế	10.000,0	10.000,0		10.000,0	QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh; QĐ số 1103/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh; (Bổ sung chuyển mục đích đất Lúa thuộc địa giới p. Dĩnh Kế)
51	Dự án Khu I thuộc KDC số 3 trên đường 295B	Xương Giang	38.500,0	16.000,0	22.500,0	16.000,0	QĐ số 631/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 và QĐ số 203 ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh
52	Khu đô thị hỗn hợp thuộc quy hoạch phân khu số 4	Song Khê	105.000,0	50.000,0	55.000,0	50.000,0	QĐ số 601/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND Tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
53	Khu đô thị trung tâm xã Đông Sơn	Đông Sơn	100.000,0	50.000,0	50.000,0	50.000,0	QĐ số 1412/QĐ-UBND của UBND thành phố BG
54	Mở rộng bệnh viện ung bướu	Tân Mỹ	2.500,0		2.500,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
55	Mở rộng bệnh viện y học cổ truyền	P. Trần Nguyễn Hãn	6.500,0		6.500,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Công văn 1956/UBND- TN ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh
56	Nhà thi đấu thể thao Bắc Giang (bổ sung trung tâm huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao tỉnh và hạ tầng kỹ thuật)	Đình Kế, Đình Trì	100.000,0	90.000,0	10.000,0	90.000,0	QĐ số 2193/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án công trình
57	Xây dựng bệnh viện và Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	xã Đa Mai	43.800,0	21.000,0	22.800,0	21.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
58	Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Bắc xã Đông Sơn	Đông Sơn	149.800,0	50.000,0	99.800,0	50.000,0	QĐ số 1412/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND TPBG
IV HUYỆN LỤC NAM							
59	Khu dân cư số 1 xã Phương Sơn	xã Phương Sơn	45.000,0	18.000,0	27.000,0	18.000,0	Quyết định 455/QĐ -UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh
60	Xây dựng tuyến nối từ Quốc lộ 31 đi 37(đoạn từ cầu Mậu Sơn đi Trung đoàn 111 sư 306)	Huyện Lục Nam	35.000,0	20.000,0	15.000,0	20.000,0	Công văn số 104/HĐND-VP ngày 28/9/2018
61	Xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 289 kéo dài	Xã Bình Sơn	32.000,0	12.000,0	20.000,0	12.000,0	Quyết định 1450/QĐ -UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh
62	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt tập trung	Xã Đông Hưng, Đông Phú	5.000,0		5.000,0		Quyết định 2033/QĐ-UBND ngày 02/2/2019 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
63	Dự án đất ở nông thôn thôn Nội Chùa	Xã Yên Sơn	7.000,0		7.000,0	Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 03/2/2020 của UBND huyện Lục Nam	
64	Xây dựng đường dây 220KV tại xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn	2.000,0	1.000,0	1.000,0	Công văn số 1465/UBND-KT ngày 11/6/2009; số 3087/UBND-KT ngày 21/12/2012; số 2850/UBND-KT ngày 28/10/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang	
65	Đất xen kẹt trong khu dân cư tại TT Đồi Ngõ (trước kia là xã Tiên Hưng)	TT Đồi Ngõ	1.200,0	1.000,0	200,0	Thông báo số 186/TB-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Lục Nam	
66	Đất dân cư gần trường mầm non Hoa Sen và đất xen kẹt	TT Đồi Ngõ	1.000,0	1.000,0	1.000,0	Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Lục Nam	
67	Thu hồi, chuyên mục đích đất công cộng để xây dựng nhà văn hóa sang đất ở tại dự án khu dân cư hồ Thanh niên	TT Đồi Ngõ	1.000,0		1.000,0	Công văn số 113/UBND ngày 02/6/2020 của UBND TT Đồi Ngõ	
68	Dự án mở rộng trường mầm non số 2, TT Đồi Ngõ	TT Đồi Ngõ	4.000,0	4.000,0	4.000,0	Quyết định 1674/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Lục Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	
69	Bãi rác thôn Quỳnh Độ	Xã Bắc Lũng	3.000,0	3.000,0	3.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh	
HUYỆN LỤC NGẠN							
70	Dự án: Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2)	TT Chũ	46.000,0	15.000,0	31.000,0	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn	
71	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đường Lê Duẩn kéo dài, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	TT Chũ	2.000,0	2.000,0	2.000,0	điều chỉnh QHSDĐ đến 2020; đã thu hồi và thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất được một phần năm 2019	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
72	Xây dựng Trường Mầm non trung tâm thôn Trại Mới, xã Giáp Sơn	Giáp Sơn	6.000,0	5.000,0	1.000,0	5.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
73	Xây dựng Trường mầm non Sơn Hải	Sơn Hải	7.800,0	6.600,0	1.200,0	6.600,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 1238/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND huyện Lạc Ngạn
74	Xây dựng Trường mầm non Nam Dương	Nam Dương	9.200,0	2.200,0	7.000,0	2.200,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND huyện Lạc Ngạn
75	Xây dựng Trường mầm non Mỹ An	Mỹ An	6.000,0		6.000,0		Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 2566/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Lạc Ngạn
76	Đường dây và TBA 110 KV Sơn Đông (bỏ sung)	Toàn huyện	3.000,0	1.200,0	1.800,0	1.200,0	Điều chỉnh QHSDD đến 2020; bổ sung diện tích
77	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Nam Dương	Nam Dương	10.000,0		10.000,0		Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND huyện
78	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Kiên Thành, huyện Lạc Ngạn	Kiên Thành	40.000,0	10.000,0	30.000,0	10.000,0	Điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019, chưa chuyển đích sử dụng đất
79	Xây dựng điểm tập kết, trung chuyển, xử lý rác thải	Toàn huyện	200.000,0	60.000,0	140.000,0	60.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy
80	Cải tạo, nâng cấp DT 289 đoạn Chũ -Khuôn Thán, huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang (bỏ sung)	TT Chũ, Trù Hựu, Kiên Thành	50.000,0	10.000,0	40.000,0	10.000,0	QĐ số 1393/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
81	Xây dựng Cầu Chũ mới trên tuyến đường 289 kéo dài, huyện Lạc Ngạn	Nam Dương, Trù Hựu	25.000,0		25.000,0		Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh
82	Xây dựng Trường THPT Lạc Ngạn số 2 (Bỏ sung)	Tân Hòa	2.700,0		2.700,0		Điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; bổ sung diện tích

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
83	Khu đô thị mới Chợ Nông Sản, huyện Lục Ngạn (Bổ sung đất lúa)	Trù Hộ	6.500,0	6.500,0		6.500,0	Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu
84	Xây dựng kho bạc nhà nước huyện (Bổ sung)	TT Chũ	1.000,0	500,0	500,0	500,0	Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu
VI	HUYỆN YÊN THẾ						
85	Điểm dân cư thôn Công Châu, xã Đông Hưu	Thôn Công Châu, xã Đông Hưu	6.200,0	6.200,0		6.200,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
86	Điểm dân cư bản Đông Vương, xã Đông Vương	Bản Đông Vương, xã Đông Vương	12.200,0	12.200,0		12.200,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
87	Khu dân cư mới xã Hương Vỹ	Thôn Chùa, xã Hương Vỹ	63.700,0	62.000,0	1.700,0	62.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
88	Mở rộng Trường trung học cơ sở Đông Sơn	Thôn Đồi Lánh, xã Đông Sơn	4.500,0	4.500,0		4.500,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chỉ tiêu phát triển KT-XH; kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG và dự toán thu chi ngân sách năm 2020
89	Mở rộng trường THCS Xuân Lương (xây dựng 6 phòng học, sân chơi bãi tập cho học sinh)	Bản Làng Dưới, Cầu Nhãn, Xuân Lương	3.283,0	2.683,0	600,0	2.683,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chỉ tiêu phát triển KT-XH;
90	Mở rộng trường Mầm non Tam Tiến	Bản Trại Lốt-Tam Tiến	1.800,0	1.800,0		1.800,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chỉ tiêu phát triển KT-XH;
91	Bãi xử lý rác thải tập trung khu vực phía đông	Đông Hưu	62.000,0		62.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Gần cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
92	Điểm tập kết rác các thôn	Đòng Hư	500,0		500,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
93	Mở rộng bãi rác Đồi Mỏ - TT Bó Hạ	TT Bó Hạ	6.000,0		6.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
94	Khu xử lý rác thải xã Đòng Tiến	Bản Cây Thị-Đòng Tiến	4.000,0		4.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
95	Điểm tập kết rác thải các bản	Đòng Tiến	500,0		500,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
96	Khu xử lý rác thải xã Đòng Lạc	Đòng Lạc	3.000,0		3.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
97	Điểm tập kết rác tại các thôn	Đòng Lạc	300,0	200,0	100,0	200,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
98	Khu xử lý rác thải xã Đòng Vương	Bản Thái Hà - Đòng Vương	20.000,0		20.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
99	Điểm tập kết rác thải các bản	Đòng Vương	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
100	Khu xử lý rác thải xã Hồng Kỳ	Bản Cầu Tư - Hồng Kỳ	2.000,0		2.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
101	Điểm tập kết rác tại các thôn, bản	Hồng Kỳ	500,0	500,0		500,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
102	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đòng Tâm	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
103	Mở rộng bãi rác thải tập trung xã An Thượng, thôn An Thành	An Thượng	3.000,0		3.000,0	3.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
104	Điểm tập kết rác thải các bản	Tam Tiến	600,0		600,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
105	Khu xử lý rác tập trung thôn Đồng Kênh	Đồng Sơn	2.000,0		2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
106	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Sơn	500,0		500,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
107	Khu xử lý rác tập trung thôn Đồng Lán	Đồng Kỳ	2.000,0	2.000,0	2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
108	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Kỳ	500,0	400,0	400,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
109	Khu xử lý rác tập trung xã Xuân Lương	Xuân Lương	8.000,0		8.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
110	Điểm tập kết rác thải các bản	Xuân Lương	500,0	300,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
111	Khu xử lý tập trung bản Cồn Trang	Canh Nậu	2.000,0		2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
112	Điểm tập kết rác thải các bản	Canh Nậu	500,0	300,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
113	Khu xử lý rác thải tập trung thôn Mỏ	Hương vĩ	4.000,0		4.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
114	Điểm tập kết rác thải các thôn	Hương vĩ	200,0	200,0	200,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
115	Khu xử lý tập trung	Tân Sỏi	2.000,0	2.000,0	2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
116	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tân Sỏi	500,0		500,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	
117	Điểm tập kết rác các thôn	Tam Hiệp	500,0	300,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục dịch sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
118	Điểm tập kết - thôn Tân Gia	Tân Hiệp	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của Bộ TV Tỉnh ủy;
119	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tiền Thắng	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của Bộ TV Tỉnh ủy;
120	Bùn thuy nội địa các thôn Đình Tiến, Liên Tân, Tân Xuân, Xuân Lan, Gia Lâm, Tân Tiến	TT Bó Hà	12.000,0	6.500,0	5.500,0	6.500,0	Công văn số 1136/UBND-NN ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh
121	Trạm Y tế TT Bó Hà	TT Bó Hà	3.000,0	2.500,0	500,0	2.500,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
122	Khu vui chơi giải trí thể thao thôn Đình Tiến	TT Bó Hà	5.000,0		5.000,0		QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 15/3/2019
123	Đường dây và TBA110KV Tân Yên	Huyện Yên Thế	8.400,0	7.000,0	1.400,0	7.000,0	Căn cứ CV 1977/BDALĐ-PQ/CTI ngày 18/5/2020 của Bộ QL dự án lưới điện
VII HUYỆN LẠNG GIANG							
124	Khu dân cư tập trung xã An Hà	Thôn Đông, thôn ĩm, xã An Hà	75.000,0	73.000,0	2.000,0	73.000,0	Số TT 354, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
125	Khu dân cư thôn Chùa và thôn An	Xã Xuân Hương	20.000,0	20.000,0		20.000,0	Số TT 362, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
126	Khu dân cư thôn Hương Mãn	Xã Xuân Hương	2.500,0	2.000,0	500,0	2.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
127	Khu dân cư thôn Hà (Giai đoạn 1)	Xã Mỹ Thái	100.000,0	98.000,0	2.000,0	98.000,0	Số TT 365, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
128	Cụm công nghiệp Nghĩa Hoà	Xã Nghĩa Hoà	5.000,0	5.000,0		5.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
129	Xây dựng đường trục thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao (BT)	Thị trấn Vôi và xã Xương Lâm	19.700,0	19.700,0		19.700,0	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh
130	Mở rộng trường mầm non Đào Mỹ	Thôn Tây Lò, xã Đào Mỹ	10.000,0	9.500,0	500,0	9.500,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công
131	Bãi xử lý rác thải tập trung xã	Xã Yên Mỹ	2.000,0	1.700,0	300,0	1.700,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công
132	Xây dựng tuyến đường dây Cùm công nghiệp Tân Hưng	Xã Tân Hưng	1.000,0	800,0	200,0	800,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2020
133	Đường theo quy hoạch từ thôn Quang Hiến đi đường BT Nghĩa Hoà - Kép mở rộng	Xã Quang Thịnh và Nghĩa Hoà	28.000,0	22.000,0	6.000,0	22.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
134	Dự án khuôn viên cây xanh trường mầm non Tân Thịnh	TT Kép	4.200,0	2.900,0	1.300,0	2.900,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
135	Khu đô thị số 2 (thôn Chùa)	xã Thái Đào	97.000,0	70.000,0	27.000,0	70.000,0	Điều chỉnh tên tại NQ 39/NQ-UBND (số thứ tự 747)
136	Dự án cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông và di dời dân cư trên địa bàn huyện Lạng Giang	TT Vôi và Yên Mỹ	30.000,0	23.000,0	7.000,0	23.000,0	Điều chỉnh tên và điều chỉnh tăng diện tích tại NQ 39/NQ-UBND (số thứ tự 763)
137	HUYỆN SON ĐỘNG Dự án: Đường dây và TBA 110kV Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Xã Yên Định, xã Cẩm Đàn	13.900,0	300,0	13.600,0	300,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
138	Dự án: Đường dây 110kV từ TBA 220kV Sơn Động - TBA 110kV Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Thị trấn Tây Yên Tử, xã Tuấn Đạo, xã Yên Định	14.000,0	6.000,0	8.000,0	6.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
139	Dự án Đất ở dân cư thôn Vá, xã An Bá	Thôn Vá, xã An Bá	40.000,0	25.000,0	15.000,0	25.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
140	Dự án Đất ở dân cư xã Đại Sơn	Thôn Khuân Cầu, thôn Tân Sơn, xã Đại Sơn	38.000,0	20.000,0	18.000,0	20.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
141	Mở rộng đường từ Khu 4 - Khu 2	Thị trấn An Châu	5.600,0		5.600,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
142	Dự án xây dựng bãi xử rác thải thị trấn Tây Yên Tử	Thị trấn Tây Yên Tử	25.000,0		25.000,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
143	Dự án xây dựng mở rộng bãi xử rác thải thị trấn An Châu	Thị trấn An Châu	25.000,0		25.000,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
144	Dự án xây dựng bãi xử rác thải xã Đại Sơn	Xã Đại Sơn	25.000,0		25.000,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
IX	HUYỆN VIỆT YÊN						
145	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Núi Trúc; trạm bơm tưới Hữu Nghị	Ninh Sơn	2.500,0	2.500,0		2.500,0	QĐ số 91/QĐ- UBND ngày 12/2/2020; QĐ số 968/QĐ- UBND ngày 16/12/2029 của UBND tỉnh
146	Khu dân cư thôn Thượng Phúc	Tăng Tiến	60.000,0	55.000,0	5.000,0	55.000,0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1947/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
147	Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội- Bắc giang, đoạn từ cầu vượt QL 37 đến cầu vượt QL 17	Việt Yên, Yên Dũng; TP Bắc Giang	223.800,0	66.500,0	157.300,0	66.500,0	Công văn số 1949/UBND-XD ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh
148	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Dầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 với đường 298	Bạch Đằng	9.000,0	4.500,0	4.500,0	4.500,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 1864/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
149	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối với đường vành đai IV	Quảng Minh, Ninh Sơn, Trung Sơn, Tiên Sơn	9.000,0	7.000,0	2.000,0	7.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 1943/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện Việt Yên
150	Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km83-Km88+100 và Km 89+800 đến Km 91+400	xã Việt Tiến	5.000,0	4.000,0	1.000,0	4.000,0	Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh
151	Trường Mầm Non xã Tăng Tiến	Tăng Tiến	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 102/QĐ-UBND ngày 27/08/2019 của UBND xã Tăng Tiến
152	Xây dựng mới tuyến đường Hồ Công Dự kéo dài kết nối với đường Nguyễn Thế Nhỏ	Bích Động	70.000,0	60.000,0	10.000,0	60.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 4803/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện
153	Xây dựng đường giao thông Nghè Nénh	Nénh	30.000,0	30.000,0		30.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 706/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND huyện
154	Khu dân cư Tô dân phố Dục Quang	Bích Động	72.000,0	68.000,0	4.000,0	68.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
155	Khu dân cư xã Hương Mai (thôn Xuân Lạn và thôn Mai Hạ)	Hương Mai	6.500,0	6.500,0		6.500,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
156	Khu dân cư (xã Quang Châu thôn Núi Hiếu, thôn Đạo Ngạn I)	Quang Châu	8.500,0	8.500,0		8.500,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
157	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính thôn Tự, xã Bích Sơn (nay là thị trấn Bích Động) đoạn từ thôn Thượng đến hết đất sản xuất văn hóa	Bích Động	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 108/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND xã Bích Sơn (UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
158	Khu đô thị phía Đông xã Hồng Thái	Hồng Thái	65.000,0	65.000,0		65.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 77/QĐ- UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh
159	Khu dân cư thôn Khả Lý Thượng	Quảng Minh	6.000,0	6.000,0		6.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
160	Xây dựng mới trường mầm non xã Quảng Minh	Quảng Minh	10.000,0	10.000,0		10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
161	Mở rộng trường tiểu học xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	3.316,0	3.316,0		3.316,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
162	Khu nhà ở công nhân tại xã Vạn Trung	Vạn Trung	54.900,0	54.900,0		54.900,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
X	HUYỆN TÂN YÊN						
163	Dự án cải tạo, nâng cấp công Chuông đê Hữu Thương	Liên Chung	1.000,0	1.000,0		1.000,0	QĐ số 310/QĐ- UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
164	Dự án tu bổ chống sạt lở đê cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 đê hữu sông Thương	Hợp Đức, Liên Chung, Việt Lập	10.000,0	10.000,0		10.000,0	QĐ số 307/QĐ- UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
165	Xử lý cấp bách đê Hữu Thương các đoạn K0-K1+500; K2+300-K5+300; K10+00-K17+500; K27+160- K30+200	Liên Chung, Việt Lập	2.000,0	2.000,0		2.000,0	QĐ số 319/QĐ- UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh
166	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lỵ 298	Ngọc Lý, Cao Xá, TT Cao Thượng, Liên Sơn	95.000,0	90.000,0	5.000,0	90.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
167	Dự án đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Các xã, thị trấn	50.000,0	20.000,0	30.000,0	20.000,0	Quy hoạch sử dụng đất; Quyết định 3731/QĐ- EVNNPC ngày 5/1/2017 của Điện lực miền Bắc

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
	Tổng toàn tỉnh		3.816.692,0	2.427.899,0	1.388.793,0	2.427.899,0	
C	CÁC DỰ ÁN ĐẤT QUỐC PHÒNG AN NINH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA						
1	Căn cứ chiến đấu 2	Thường Thắng, Hiệp Hòa				20.000,0	Đề án số 39/ĐA-UBND ngày 11/9/2015 của UBND huyện Hiệp Hòa
2	Xây dựng công trình làm việc Công an huyện Lạng Giang	Thôn Nam Tiến, xã Xương Lâm, Lạng Giang				34.342,0	Quy hoạch đất An ninh
3	Xây dựng đường hầm Trung tâm chi huy và Bộ tham mưu/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	Sơn Hải, Lục Ngạn				500,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND huyện
	Tổng toàn tỉnh					54.842,0	
D	CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA ĐÃ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT NHƯNG CHƯA CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT						
I	HUYỆN LỤC NGẠN						
1	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Liên cơ quan, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Quý Sơn				3.500,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
2	Dự án Xây dựng ĐT289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chủ đi Đồng Đình, nối QL31 với ĐT293) qua xã Nam Dương, Tân Mộc, huyện Lục Ngạn	Nam Dương, Tân Mộc				17.700,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất
3	Trường Mầm non Trù Hựu	Trù Hựu				4.100,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; chưa chuyển mục đích sử dụng đất

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
4	Cải tạo, mở rộng khuôn viên trường THCS Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Giáp Sơn				900,0	Điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; chưa chuyển mục đích sử dụng đất
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Hồng Giang				2.300,0	Điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất; chưa chuyển mục đích sử dụng đất
6	Sân vận động xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Mỹ An				2.000,0	Điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất; chưa chuyển mục đích sử dụng đất
7	Xây dựng nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn	Phượng Sơn				9.100,0	QĐ số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh QHSDD đến 2020 huyện Lục Ngạn
II HUYỆN SƠN ĐỘNG							
8	Xây dựng trạm dừng nghỉ Bắc Hà - Yên Tử	Thị trấn Tây Yên Tử				26.567,5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MĐSD
9	Khu dân cư Khu 2 và Khu 4, thị trấn An Châu	Thị trấn An Châu				10.000,0	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MĐSD
10	Khu dân cư thôn Nhân định, xã Yên Định	Xã Yên Định				3.000,0	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MĐSD
<i>Tổng toàn tỉnh</i>						79.167,5	
E CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10,0 HA							
I HUYỆN YÊN DŨNG							
1	Đất y tế (Công ty TNHH Dược phẩm, vật tư và thiết bị y tế Hợp Nhất)	Trần Phong				7.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; CV số 2720/UBND-ĐT ngày 24/6/2020 của CT UBND tỉnh;
II HUYỆN HIỆP HÒA							

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
2	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi và cấu kiện bê tông đúc sẵn	Đông Lễ			20.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Văn bản số 3873/UBND-GT ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh	
3	Bãi đỗ xe xã Bắc Lý	Bắc Lý			10.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh	
III	THÀNH PHỐ BẮC GIANG						
4	Khu dịch vụ, thương mại và thể thao, vui chơi giải trí phường Đa Mai	Đa Mai			10.000,0	QĐ số 1411/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND TPBG	
5	Trạm bán xăng dầu thôn Núi, xã Dĩnh Trì	Dĩnh Trì			750,0	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh	
6	Dự án đầu tư Trụ sở văn phòng làm việc kết hợp kinh doanh dịch vụ thôn Núi, xã Dĩnh Trì	Dĩnh Trì			1.500,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh	
7	Đầu tư cơ sở kinh doanh dịch vụ xã Dĩnh Trì, thành phố BG	Dĩnh Trì			5.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh	
8	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Giáp Ngươi, P. Dĩnh Kế	Dĩnh Kế			2.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh	
9	Khu tổ hợp dịch vụ, thương mại và văn phòng cho thuê K3-HH6.3	Đông Sơn			4.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh	
10	Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở đào tạo nghề và trung tâm sát hạch lái xe, xã Tân Mỹ	Tân Mỹ			10.000,0	QĐ số 1491/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh	
11	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II (bổ sung)	Song Mai			1.980	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
12	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội- Bắc Giang	Đông Sơn				3.500,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; CV số 2720/UBND-ĐT ngày 24/6/2020 của CT UBND tỉnh;
IV HUYỆN LỘC NAM							
13	Cây xăng xã Đông Phú	Xã Đông Phú				1.500,0	Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh
14	Dự án cây xăng xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn				4.000,0	Quyết định 362/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh
15	Đất khai thác khoáng sản	Xã Bắc Lũng				30.000,0	Quyết định 903/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh
16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực thôn Mai Sơn, xã Cẩm Lý				76.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản
V HUYỆN LỘC NGÂN							
17	Xây dựng nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phương Sơn, huyện Lộc Ngân	Phương Sơn				9.100,0	Công văn số 2630/UBND-ĐT ngày 17/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI HUYỆN YÊN THẾ							
18	Ngân hàng nông nghiệp TT Bồ Hạ	TT Bồ Hạ				1.200,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; di chuyển ra ngoài khu dân cư TT Bồ Hạ
VII HUYỆN LẠNG GIANG							
19	Xây dựng Nhà máy may mặc xuất khẩu Tùng Dũng của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và sản xuất Tùng Dũng	Thôn Cầu Gối, xã Tiên Lục				12.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 127/QĐ-UBND ngày 25/02/2020
20	Xây dựng nhà máy dệt may Lạng Giang của Công ty CP dệt may Lạng Giang	Thôn Bằng, Nghĩa Hòa				50.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 379/QĐ-UBND ngày 12/5/2020
21	Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may, thùng Carton và may công nghệ cao của Công ty cổ phần IBT	Thôn Bằng, Nghĩa Hòa				50.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 373/QĐ-UBND ngày 08/5/2020

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
22	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và thương mại tổng hợp của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tâm Đức Bắc Giang	Thôn Bằng, Nghĩa Hòa			9.850,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 257/QĐ-UBND ngày 01/4/2020	
23	Dự án xây dựng "Cơ sở chế biến gỗ, gia công cơ khí và xưởng áp trùng gia cầm" của ông Trần Văn Út	Xã Đại Lâm			3.000,0	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh	
24	Dự án xây dựng Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu	Tân Dĩnh			9.500,0	Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 19/6/5/2020 của UBND tỉnh	
25	Dự án xây dựng Cơ sở chế biến gỗ và gia công cơ khí của ông Bùi Hải Lâm	TT Vôi			2.000,0	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh	
26	Khu kinh doanh dịch vụ Mỹ Thái	Xã Mỹ Thái			7.300,0	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh	
VIII	HUYỆN VIỆT YÊN						
27	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu Đồng Trang, thôn Hạ, xã Thượng Lan			90.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản	
28	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực thôn Mỏ Thỏ, xã Minh Đức			66.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản	
29	Khu nông nghiệp Công nghệ cao và xưởng sơ chế	Thôn 8, xã Việt Tiến			12.000,0	QĐ chủ trương số 316/QĐ- UBND ngày 24/5/2018; QĐ 554/QĐ- UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh	
30	Nhà máy may xuất khẩu Hà Bắc	Hồng Thái			15.000,0	Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/2/2020 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	
	Tổng toàn tỉnh				522.200,0		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất;
các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang
các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp
từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 30/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang:

1. Bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020, như sau:

a) Dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 có sử dụng diện tích đất trồng lúa từ 10,0 ha trở lên: 02 dự án, diện tích 33,9 ha, trong đó đất trồng lúa 32,9 ha, đất khác 1,0 ha.

b) Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha: 167 dự án, công trình, diện tích 381,7ha, trong đó: đất trồng lúa 242,8 ha; đất khác 138,9 ha.

c) Các dự án đất quốc phòng, an ninh sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha: 03 dự án, diện tích đất trồng lúa 5,48 ha.

d) Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha đã thực hiện thu hồi đất: 10 dự án, diện tích đất trồng lúa: 7,92 ha.

e) Các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất: 30 dự án, công trình với diện tích đất trồng lúa 52,2 ha.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

2. Trích lập dự phòng quỹ đất khoảng 100,0 ha đất lúa để thực hiện các công trình, dự án cấp bách và các công trình, dự án phát sinh đến cuối năm 2020.

3. Điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang.

a) Điều chỉnh giảm 12,0 ha diện tích đất cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa; diện tích cụm công nghiệp Đoàn Bái sau khi điều chỉnh là 57,8 ha.

b) Điều chỉnh tăng 12,0 ha diện tích đất cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang; diện tích cụm công nghiệp Nghĩa Hòa sau khi điều chỉnh là 38,5 ha.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 10 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2020 HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA TỪ 10 HA TRỞ LÊN						
1	Cụm công nghiệp Đại Lâm	Xã Đại Lâm	149.000,0	149.000,0		Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh	
2	Dự án Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa:	Hiệp hòa	190.000,0	180.000,0	10.000,0	Quyết định số 210/QĐ- UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh phê duyệt BC nghiên cứu khả thi	
	Tổng		339.000,0	329.000,0	10.000,0		
B	CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA						
I	HUYỆN HIỆP HÒA						
1	Trường Mầm non xã Đại Thành	Đại Thành	500,0	500,0	500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 86a ngày 15/8/2019 của UBND xã Đại Thành	
2	Trường Tiểu học xã Châu Minh	Châu Minh	2.000,0	2.000,0	2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh	
3	Trường Mầm non xã Châu Minh	Châu Minh	3.000,0	3.000,0	3.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh	
4	Sân thể thao	Châu Minh	5.500,0	5.500,0	5.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
5	Nhà văn hoá thôn Ngọ Xá	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ - UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
6	Nhà văn hoá thôn Ngọc Liên	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ - UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
7	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 2	Thị trấn Thăng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Quyết định 535/QĐ - UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14
8	Nhà văn hóa thôn Khánh, thôn Giữa	Lương Phong	4.000,0		4.000,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
9	Đường giao thông nông thôn	Xã Châu Minh	700,0	700,0		700,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh
10	Đất thủy lợi (hoàn trả nương do thu hồi đất để thực hiện dự án CCN Hà Thịnh)	Hợp Thịnh, Đại Thành	60.000,0	60.000,0		60.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
11	Cải tạo, nâng cấp công Đại La đê tả Cầu	Mai Trung, Hợp Thịnh	20.000,0	20.000,0		20.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
12	Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh đê tả Cầu	Đông Lỗ	500,0	500,0		500,0	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
13	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trạm bơm Ngõ Khổng II	Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình, Bắc Lý	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
14	KDC thôn Ngõ Xá	Châu Minh	10.000,0	10.000,0		10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh
15	KDC thôn Ngọc Liên	Châu Minh	3.600,0		3.600,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh
16	KDC thôn Trung Tâm	Hoàng Thanh	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 564a/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện
17	KDC Danh Thắng (giai đoạn 2) bổ sung diện tích	Danh Thắng	5.000,0	5.000,0		5.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện
18	Thu hồi bổ sung diện tích đất nông nghiệp do ảnh hưởng bởi thu hồi đất dự án Đường vành đai IV - tuyến nhánh 2	Đông Lỗ	18.000,0	18.000,0		18.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Văn bản số 2096/UBND-TN ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh
19	Trụ sở tiếp dân kết hợp nhà làm việc Đài phát thanh huyện	TT. Thắng	2.500,0	2.500,0		2.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND huyện
20	Đất trụ sở cơ quan	TT. Thắng	1.300,0	1.300,0		1.300,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
21	Trạm y tế xã Danh Thắng	Danh Thắng	2.500,0	2.000,0	500,0	2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND xã Danh Thắng
22	Dự án đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Hiệp hòa	18.000,0	15.000,0	3.000,0	15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 3731/QĐ-EVNNPC ngày 05/01/2017 của Tổng công ty điện lực miền Bắc
23	Khu xử lý chất thải rắn (điều chỉnh vị trí quy hoạch)	Đông Lỗ	48.000,0	48.000,0		48.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND huyện
II HUYỆN YÊN DŨNG							
24	Khu dân cư thôn Yên Tập Bến	Yên Lư	16.000,0	14.000,0	2.000,0	14.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
25	Khu dân cư Bắc Am	Tư Mại	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
26	Khu dân cư Đông Khánh, Tân Ninh	Tư Mại	10.000,0	8.000,0	2.000,0	8.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
27	Khu dân cư thôn Đồng Cao	Tư Mại	18.000,0	16.000,0	2.000,0	16.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
28	Khu dân cư thôn Hưng Thịnh, Phùng Hưng	Tư Mại	22.000,0	22.000,0		22.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất
29	Khu dân cư Tân Hưng	Tư Mại	12.000,0	6.000,0	6.000,0	6.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
30	Khu dân cư thôn Đông Hương, Kem, Phường Sơn	TT Nham Biền	73.000,0	65.000,0	8.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất	
31	Khu dân cư thôn Nhất, Tây	Cánh Thuy	47.000,0	40.000,0	7.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất	
32	Khu dân cư thôn Tiên Phong	Nội Hoàng	91.000,0	81.000,0	10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất	
33	Khu dân cư Hương Gián	Hương Gián	30.000,0	25.000,0	5.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đầu giá đất	
34	Khu đô thị mới số 1	TT Tân An	52.600,0	52.600,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết	
35	Khu đất ở Tiên Phong (bổ sung diện tích khu dân cư thôn Tân Mỹ, xã Đông Sơn)	Tiên Phong	400,0	400,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
36	Sân thể thao thôn Yên Tập Bắc	Yên Lư	4.000,0	4.000,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
37	Sân thể thao xã Hương Gián	Hương Gián	1.000,0	1.000,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
38	Nghĩa trang, nghĩa địa thôn Phùng Hưng	Tư Mại	7.000,0	7.000,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
III	THÀNH PHỐ BẮC GIANG						
39	Khu dân cư dọc 2 bên đường giao thông từ khu vực NVH thôn Sầu đi thôn Thanh Mai	Đa Mai	90.700,0	10.000,0	80.700,0	Quyết định 4520/QĐ- UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
40	Dự án: nâng cấp, mở rộng đường gom bên trái tuyến QL1 đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao Hùng Vương và cải tạo nút giao Hùng Vương	TP Bắc Giang	25.700,0	23.500,0	2.200,0	23.500,0	NQ 11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh
41	Xây dựng đường nối từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Võ Nguyên Giáp và cầu vượt qua đường tỉnh 295B (bổ sung)	Đa Mai, Song Mai, Tân Mỹ	42.000,0	40.000,0	2.000,0	40.000,0	Quyết định 3175/QĐ-UBND, 31/10/2018 của CT UBND thành phố
42	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước khu vực trạm bơm Châu Xuyên 1, TPBG	Lê Lợi Tân Tiến	4.000,0	500,0	3.500,0	500,0	Quyết định 1884/QĐ-UBND, 31/12/2019 của CT UBND thành phố
43	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cẩm, trạm bơm Tân Tiến	Tân Tiến	1.000,0	1.000,0		1.000,0	QĐ số 92/QĐ-UBND ngày 12/2/2020; QĐ số 93/QĐ-UBND ngày 12/2/2020 của UBND tỉnh
44	Khu đô thị số 14, thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (quy mô 23,36ha)	Tân Tiến	60.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh
45	Khu đô thị mới Đồng Sơn – Tiên Phong	Đồng Sơn	100.000,0	95.000,0	5.000,0	95.000,0	Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT
46	Trường Tiểu học Đồng Sơn	Đồng Sơn	17.400,0	16.000,0	1.400,0	16.000,0	QĐ số 3179 ngày 31/10/2018 của UBND TP
47	Khu dân cư Tân Mai	Đa Mai	21.193,0	5.400,0	15.793,0	5.400,0	QĐ số 2409/QĐ-UBND ngày 4/8/2015; QĐ số 3181/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của CT UBND TP về việc điều chỉnh dự án
48	Khu đô thị Đa Mai - Song Mai 2	Đa Mai, Song Mai	50.000,0	30.000,0	20.000,0	30.000,0	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT
49	Đường giao thông từ thôn Tân Mỹ đi thôn Phần Sơn, xã Đồng Sơn, TPBG (đoạn bổ sung)	Đồng Sơn	18.000,0	18.000,0		18.000,0	QĐ số 691 ngày 05/3/2020 của CT UBND TP (bổ sung diện tích)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
50	Trường chính trị tỉnh (quy mô 4ha gồm Tân Tiến, Dĩnh Kế)	Dĩnh Kế	10.000,0	10.000,0	10.000,0	10.000,0	QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh; QĐ số 1103/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh; (Bổ sung chuyển mục đích đất Lúa thuộc địa giới p. Dĩnh Kế)
51	Dự án Khu 1 thuộc KDC số 3 trên đường 295B	Xương Giang	38.500,0	16.000,0	22.500,0	16.000,0	QĐ số 631/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 và QĐ số 203 ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh
52	Khu đô thị hỗn hợp thuộc quy hoạch phân khu số 4	Song Khê	105.000,0	50.000,0	55.000,0	50.000,0	QĐ số 601/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND Tỉnh
53	Khu đô thị trung tâm xã Đồng Sơn	Đồng Sơn	100.000,0	50.000,0	50.000,0	50.000,0	QĐ số 1412/QĐ-UBND của UBND thành phố BG
54	Mở rộng bệnh viện ung bướu	Tân Mỹ	2.500,0		2.500,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
55	Mở rộng bệnh viện y học cổ truyền	P. Trần Nguyễn Hân	6.500,0		6.500,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020; Công văn 1956/UBND- TN ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh
56	Nhà thi đấu thể thao Bắc Giang (bổ sung trung tâm huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao tỉnh và hạ tầng kỹ thuật)	Dĩnh Kế, Dĩnh Trì	100.000,0	90.000,0	10.000,0	90.000,0	QĐ số 2193/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án công trình
57	Xây dựng bệnh viện và Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	xã Đa Mai	43.800,0	21.000,0	22.800,0	21.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
58	Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Bắc xã Đồng Sơn	Đồng Sơn	149.800,0	50.000,0	99.800,0	50.000,0	QĐ số 1412/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND TPBG
IV	HUYỆN LỤC NAM						
59	Khu dân cư số 1 xã Phương Sơn	xã Phương Sơn	45.000,0	18.000,0	27.000,0	18.000,0	Quyết định 455/QĐ -UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
60	Xây dựng tuyến nối từ Quốc lộ 31 đi 37 (đoạn từ cầu Mẫu Sơn đi Trung đoàn 111 sư 306)	Huyện Lục Nam	35.000,0	20.000,0	15.000,0	20.000,0	Công văn số 104/HĐND-VP ngày 28/9/2018
61	Xây dựng tuyến đường tỉnh 289 kéo dài	Xã Bình Sơn	32.000,0	12.000,0	20.000,0	12.000,0	Quyết định 1450/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh
62	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt tập trung	Xã Đông Hưng, Đông Phú	5.000,0		5.000,0		Quyết định 2033/QĐ-UBND ngày 02/2/2019 của UBND tỉnh
63	Dự án đất ở nông thôn Nội Chùa	Xã Yên Sơn	7.000,0		7.000,0		Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 03/2/2020 của UBND huyện Lục Nam
64	Xây dựng đường dây 220KV tại xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn	2.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	CÔNG VĂN SỐ 1403/UBND-ĐT NGÀY 11/6/2009; số 3087/UBND-KT ngày 21/12/2012; số 2850/UBND-KT ngày 28/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang
65	Đất xen kết trong khu dân cư tại TT Đồi Ngổ (trước kia là xã Tiên Hưng)	TT Đồi Ngổ	1.200,0	1.000,0	200,0	1.000,0	Thông báo số 186/TB-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Lục Nam
66	Đất dân cư gần trường mầm non Hoa Sen và đất xen kết	TT Đồi Ngổ	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Lục Nam
67	Thu hồi, chuyển mục đích đất công cộng để xây dựng nhà văn hóa sang đất ở tại dự án khu dân cư hồ thanh niên	TT Đồi Ngổ	1.000,0		1.000,0	0,0	Công văn số 113/UBND ngày 02/6/2020 của UBND TT Đồi Ngổ
68	Dự án mở rộng trường mầm non số 2, TT Đồi Ngổ	TT Đồi Ngổ	4.000,0	4.000,0		4.000,0	Quyết định 1674/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Lục Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
69	Bãi rác thôn Quỳnh Độ	Xã Bắc Lũng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
HUYỆN LỤC NGẠN							
70	Dự án: Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2)	TT Chũ	46.000,0	15.000,0	31.000,0	15.000,0	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
71	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đường Lê Duẩn kéo dài, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	TT Chủ	2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thu hồi và thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất được một phần năm 2019
72	Xây dựng Trường Mầm non trung tâm thôn Trại Mới, xã Giáp Sơn	Giáp Sơn	6.000,0	5.000,0	1.000,0	5.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
73	Xây dựng Trường mầm non Sơn Hải	Sơn Hải	7.800,0	6.600,0	1.200,0	6.600,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 1238/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
74	Xây dựng Trường mầm non Nam Dương	Nam Dương	9.200,0	2.200,0	7.000,0	2.200,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
75	Xây dựng Trường mầm non Mỹ An	Mỹ An	6.000,0		6.000,0		Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 2566/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Lục Ngạn
76	Đường dây và TBA 110 kV Sơn Động (bổ sung)	Toàn huyện	3.000,0	1.200,0	1.800,0	1.200,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; bổ sung diện tích thiếu
77	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Nam Dương	Nam Dương	10.000,0		10.000,0		Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND huyện
78	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn	Kiên Thành	40.000,0	10.000,0	30.000,0	10.000,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019, chưa chuyển đích sử dụng đất
79	Xây dựng điểm tập kết, trung chuyển, xử lý rác thải	Toàn huyện	200.000,0	60.000,0	140.000,0	60.000,0	Chi thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy
80	Cải tạo, nâng cấp ĐT 289 đoạn Chủ - Khuôn Thàn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (bổ sung)	TT Chủ, Trù Hựu, Kiên Thành	50.000,0	10.000,0	40.000,0	10.000,0	QĐ số 1393/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang
81	Xây dựng Cầu Chủ mới trên tuyến đường 289 kéo dài, huyện Lục Ngạn	Nam Dương, Trù Hựu	25.000,0		25.000,0		Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
82	Xây dựng Trường THPT Lục Ngạn số 2 (Bổ sung)	Tân Hoa	2.700,0		2.700,0		điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; bổ sung diện tích thiếu
83	Khu đô thị mới Chợ Nông Sản, huyện Lục Ngạn (Bổ sung đất lúa)	Trụ Hựu	6.500,0	6.500,0		6.500,0	Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu
84	Xây dựng kho bạc nhà nước huyện (Bổ sung)	TT Chũ	1.000,0	500,0	500,0	500,0	Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu
VI	HUYỆN YÊN THẾ						
85	Điểm dân cư thôn Công Châu, xã Đông Hưu	Thôn Công Châu, xã Đông Hưu	6.200,0	6.200,0		6.200,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
86	Điểm dân cư bản Đông Vương, xã Đông Vương	Bản Đông Vương, xã Đông Vương	12.200,0	12.200,0		12.200,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
87	Khu dân cư mới xã Hương Vỹ	Thôn Chùa, xã Hương Vỹ	63.700,0	62.000,0	1.700,0	62.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
88	Mở rộng Trường trung học cơ sở Đông Sơn	Thôn Đồi Lành, xã Đông Sơn	4.500,0	4.500,0		4.500,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chỉ tiêu phát triển KT-XH; kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG và dự toán thu chi ngân sách năm 2020
89	Mở rộng trường THCS Xuân Lương (xây dựng 6 phòng học, sân chơi bãi tập cho học sinh)	Bản Làng Dưới, Cầu Nhân, Xuân Lương	3.283,0	2.683,0	600,0	2.683,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chỉ tiêu phát triển KT-XH;
90	Mở rộng trường Mầm non Tam Tiến	Bản Trại Lốt-Tam Tiến	1.800,0	1.800,0		1.800,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chỉ tiêu phát triển KT-XH;
91	Bãi xử lý rác thải tập trung khu vực phía đông	Đông Hưu	62.000,0		62.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
92	Điểm tập kết rác các thôn	Đông Hưu	500,0		500,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
93	Mở rộng bãi rác Đồi Mỏ - TT Bồ Hạ	TT Bồ Hạ	6.000,0		6.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
94	Khu xử lý rác thải xã Đồng Tiến	Bán Cây Thị - Đồng Tiến	4.000,0		4.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
95	Điểm tập kết rác thải các bản	Đồng Tiến	500,0		500,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
96	Khu xử lý rác thải xã Đồng Lạc	Đồng Lạc	3.000,0		3.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
97	Điểm tập kết rác tại các thôn	Đồng Lạc	300,0	200,0	100,0	200,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
98	Khu xử lý rác thải xã Đồng Vương	Bán Thái Hà - Đồng Vương	20.000,0		20.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
99	Điểm tập kết rác thải các bản	Đồng Vương	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
100	Khu xử lý rác thải xã Hồng Kỳ	Bán Cầu Tư - Hồng Kỳ	2.000,0		2.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
101	Điểm tập kết rác tại các thôn, bản	Hồng Kỳ	500,0	500,0		500,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
102	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Tâm	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
103	Mở rộng bãi rác thải tập trung xã An Thượng, thôn An Thành	An Thượng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
104	Điểm tập kết rác thải các bản	Tam Tiến	600,0		600,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
105	Khu xử lý rác tập trung thôn Đồng Kênh	Đồng Sơn	2.000,0		2.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
106	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Sơn	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
107	Khu xử lý rác tập trung thôn Đồng Lân	Đồng Kỳ	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đất sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
108	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đông Kỳ	500,0	400,0	100,0	400,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
109	Khu xử lý rác tập trung xã Xuân Lương	Xuân Lương	8.000,0		8.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
110	Điểm tập kết rác thải các bản	Xuân Lương	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
111	Khu xử lý tập trung bản Cồn Trang	Canh Nậu	2.000,0		2.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
112	Điểm tập kết rác thải các bản	Canh Nậu	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
113	Khu xử lý rác thải tập trung thôn Mỏ	Hương vĩ	4.000,0		4.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
114	Điểm tập kết rác thải các thôn	Hương vĩ	200,0	200,0		200,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
115	Khu xử lý tập trung	Tân Sỏi	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
116	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tân Sỏi	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
117	Điểm tập kết rác các thôn	Tam Hiệp	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
118	Điểm tập kết - thôn Tân Gia	Tân Hiệp	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
119	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tiến Thắng	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
120	Bến thủy nội địa các thôn Đình Tiến, Liên Tân, Tân Xuân, Xuân Lan, Gia Lâm, Tân Tiến	TT Bồ Hạ	12.000,0	6.500,0	5.500,0	6.500,0	Công văn số 1136/UBND-NN ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh
121	Trạm Y tế TT Bồ Hạ	TT Bồ Hạ	3.000,0	2.500,0	500,0	2.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
122	Khu vui chơi giải trí thể thao thôn Dinh Tiến	TT Bồ Hạ	5.000,0		5.000,0	QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 15/3/2019	
123	Đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Huyện Yên Thế	8.400,0	7.000,0	1.400,0	Căn cứ CV 1977/BDALĐ-PQLCT1 ngày 18/5/2020 của BQL dự án lưới điện	
VII	HUYỆN LANG GIANG						
124	Khu dân cư tập trung xã An Hà	Thôn Đông, thôn Ęm, xã An Hà	75.000,0	73.000,0	2.000,0	Số TT 354, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020	
125	Khu dân cư thôn Chùa và thôn Am	Xã Xuân Hương	20.000,0	20.000,0		Số TT 362, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020	
126	Khu dân cư thôn Hương Mãn	Xã Xuân Hương	2.500,0	2.000,0	500,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020	
127	Khu dân cư thôn Hạ (Giai đoạn I)	Xã Mỹ Thái	100.000,0	98.000,0	2.000,0	Số TT 365, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020	
128	Cụm công nghiệp Nghĩa Hoà	Xã Nghĩa Hoà	5.000,0	5.000,0		Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019	
129	Xây dựng đường trục thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao (BT)	Thị trấn Vôi và xã Xương Lâm	19.700,0	19.700,0		Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh	
130	Mở rộng trường mầm non Đào Mỹ	Thôn Tây Lò, xã Đào Mỹ	10.000,0	9.500,0	500,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công	
131	Bãi xử lý rác thải tập trung xã	Xã Yên Mỹ	2.000,0	1.700,0	300,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công	
132	Xây dựng tuyến đường dây Cùm công nghiệp Tân Hưng	Xã Tân Hưng	1.000,0	800,0	200,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2020	
133	Đường theo quy hoạch từ thôn Quang Hiến đi đường BT Nghĩa Hoà - Kép mở rộng	Xã Quang Thịnh và Nghĩa Hoà	28.000,0	22.000,0	6.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
134	Dự án khuôn viên cây xanh trường mầm non Tân Thịnh	TT Kép	4.200,0	2.900,0	1.300,0	2.900,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
135	Khu đô thị số 2 (thôn Chứa)	xã Thái Đào	97.000,0	70.000,0	27.000,0	70.000,0	Điều chỉnh tên tại NQ 39/NQ-UBND (số thứ tự 747)
136	Dự án cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông và điểm dân cư trên địa bàn huyện Lạng Giang	TT Vôi và Yên Mỹ	30.000,0	23.000,0	7.000,0	23.000,0	Điều chỉnh tên và điều chỉnh tăng diện tích tại NQ 39/NQ-UBND (số thứ tự 763)
HUYỆN SON ĐỘNG							
137	Dự án: Đường dây và TBA 110KV Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Xã Yên Định, xã Cẩm Đàn	13.900,0	300,0	13.600,0	300,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
138	Dự án: Đường dây 110KV từ TBA 220KV Sơn Động – TBA 110KV Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Thị trấn Tây Yên Tử, xã Tuấn Đạo, xã Yên Định	14.000,0	6.000,0	8.000,0	6.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
139	Dự án Đất ở dân cư thôn Vá, xã An Bá	Thôn Vá, xã An Bá	40.000,0	25.000,0	15.000,0	25.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
140	Dự án Đất ở dân cư xã Đại Sơn	Thôn Khuân Cầu, thôn Tân Sơn, xã Đại Sơn	38.000,0	20.000,0	18.000,0	20.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
141	Mở rộng đường từ Khu 4 - Khu 2	Thị trấn An Châu	5.600,0		5.600,0		Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
142	Dự án xây dựng bãi xử lý rác thải thị trấn Yên Tử	Thị trấn Tây Yên Tử	25.000,0		25.000,0		Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
143	Dự án xây dựng mở rộng bãi xử lý rác thải thị trấn An Châu	Thị trấn An Châu	25.000,0		25.000,0		Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
144	Dự án xây dựng bãi xử lý rác thải xã Đại Sơn	Xã Đại Sơn	25.000,0		25.000,0		Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
IX	HUYỆN VIỆT YÊN						
145	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Núi Trúc; trạm bơm tưới Hữu Nghị	Ninh Sơn	2.500,0	2.500,0		2.500,0	QĐ số 91/QĐ- UBND ngày 12/2/2020; QĐ số 968/QĐ- UBND ngày 16/12/2029 của UBND tỉnh
146	Khu dân cư thôn Thượng Phúc	Tăng Tiến	60.000,0	55.000,0	5.000,0	55.000,0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1947/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện
147	Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội- Bắc giang, đoạn từ cầu vượt QL 37 đến cầu vượt QL 17	Việt Yên, Yên Dũng; TP Bắc Giang	223.800,0	66.500,0	157.300,0	66.500,0	Công văn số 1949/UBND-XD ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh
148	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 với đường 298	Bích Động	9.000,0	4.500,0	4.500,0	4.500,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 1864/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện
149	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối với đường vành đai IV	Quảng Minh, Ninh Sơn, Trung Sơn, Tiên Sơn	9.000,0	7.000,0	2.000,0	7.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 1943/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện Việt Yên
150	Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km83-Km88+ 100 và Km 89+800 đến Km 91+400	xã Việt Tiến	5.000,0	4.000,0	1.000,0	4.000,0	Quyết định số 668/QĐ_ UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh
151	Trường Mầm Non xã Tăng Tiến	Tăng Tiến	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 102/QĐ-UBND ngày 27/08/2019 của UBND xã Tăng Tiến
152	Xây dựng mới tuyến đường Hồ Công Dự kéo dài kết nối với đường Nguyễn Thế Nhỏ (để thực hiện xong việc chuyển mục đích sử dụng đất)	Bích Động	70.000,0	60.000,0	10.000,0	60.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 4803/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
153	Xây dựng đường giao thông Nghệ Nénh (để thực hiện xong việc chuyển mục đích sử dụng đất)	Nénh	30.000,0	30.000,0		30.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 706/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND huyện
154	Khu dân cư Tô dân phố Dục Quang	Bích Động	72.000,0	68.000,0	4.000,0	68.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
155	Khu dân cư xã Hương Mai (thôn Xuân Lạn và thôn Mai Hạ)	Hương Mai	6.500,0	6.500,0		6.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
156	Khu dân cư (xã Quang Châu thôn Núi Hiếu, thôn Đạo Ngạn 1)	Quang Châu	8.500,0	8.500,0		8.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
157	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính thôn Tự, xã Bích Sơn (nay là thị trấn Bích Động) đoạn từ thôn Thượng đến hết đất sân văn hóa	Bích Động	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 108/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND xã Bích Sơn (UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất)
158	Khu đô thị phía Đông xã Hồng Thái	Hồng Thái	65.000,0	65.000,0		65.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
159	Khu dân cư thôn Khả Lý Thượng	Quảng Minh	6.000,0	6.000,0		6.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
160	Xây dựng mới tường rào non xã Quảng Minh	Quảng Minh	10.000,0	10.000,0		10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
161	Mở rộng trường tiểu học xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	3.316,0	3.316,0		3.316,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
162	Khu nhà ở công nhân tại xã Văn Trung	Văn Trung	54.900,0	54.900,0		54.900,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
X	HUYỆN TÂN YÊN						
163	Dự án cải tạo, nâng cấp công Chương đề Hưu Thương	Liên Chung	1.000,0	1.000,0		1.000,0	QĐ số 310/QĐ -UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
164	Dự án tu bổ chống sạt lở để cấp III trên địa bàn huyện Tân Yên từ K6+000 đến K14+700 để hữu sông Thương	Hợp Đức, Liên Chung, Việt Lập	10.000,0	10.000,0		10.000,0	QĐ số 307/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
165	Xử lý cấp bách để Hữu Thương các đoạn K0-K1+500; K2+300-K5+300; K10+00-K17+500; K27+160- K30+200	Liên Chung, Việt Lập	2.000,0	2.000,0		2.000,0	QĐ số 319/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh
166	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 298	Ngọc Lý, Cao Xá, TT Cao Thượng, Liên Sơn	95.000,0	90.000,0	5.000,0	90.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
167	Dự án đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Các xã, thị trấn	50.000,0	20.000,0	30.000,0	20.000,0	Quy hoạch sử dụng đất; Quyết định 3731/QĐ-EVNNPC ngày 5/1/2017 của Điện lực miền Bắc
	<i>Tổng toàn tỉnh</i>		<i>3.816.692,0</i>	<i>2.427.899,0</i>	<i>1.388.793,0</i>	<i>2.427.899,0</i>	
C	CÁC DỰ ÁN ĐẤT QUỐC PHÒNG AN NINH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA						
1	Căn cứ chiến đấu 2	Thường Thắng, Hiệp Hòa				20.000,0	Đề án số 39/ĐA-UBND ngày 11/9/2015 của UBND huyện Hiệp Hòa
2	Xây dựng công trình làm việc Công an huyện Lạng Giang	Thôn Nam Tiến, xã Xương Lâm, Lạng Giang				34.342,0	Quy hoạch đất An ninh
3	Xây dựng đường hầm Trung tâm chỉ huy và Bộ tham mưu/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	Sơn Hải, Lục Ngạn				500,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND huyện
	<i>Tổng toàn tỉnh</i>					<i>54.842,0</i>	
D	CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ ĐIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA ĐÁ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT						
I	HUYỆN LỤC NGẠN						

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
1	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư Liên cơ quan, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Quy Sơn				3.500,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
2	Dự án Xây dựng DT289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình, nối QL.31 với DT293) qua xã Nam Dương, Tân Mộc, huyện Lục Ngạn	Nam Dương, Tân Mộc				17.700,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; chưa chuyển mục đích sử dụng đất
3	Trường Mầm non Trù Hựu	Trù Hựu				4.100,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; chưa chuyển mục đích sử dụng đất
4	Cải tạo, mở rộng khuôn viên trường THCS Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Giáp Sơn				900,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn	Hồng Giang				2.300,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
6	Sân vận động xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn	Mỹ An				2.000,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
7	Xây dựng nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn	Phương Sơn				9.100,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
II HUYỆN SON ĐÔNG							
8	Xây dựng trạm dừng nghỉ Bắc Hà - Yên Tử	Thị trấn Tây Yên Tử				26.567,5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MBSĐ
9	Khu dân cư Khu 2 và Khu 4, thị trấn An Châu	Thị trấn An Châu				10.000,0	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MBSĐ
10	Khu dân cư thôn Nhân định, xã Yên Định	Xã Yên Định				3.000,0	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MBSĐ
Tổng toàn tỉnh						79.167,5	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
E	CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10,0 HA						
I	HUYỆN YÊN DŨNG						
1	Đất y tế (Công ty TNHH Dược phẩm, vật tư và thiết bị y tế Hợp Nhất)	Tiền Phong				7.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020; CV số 2720/UBND-ĐT ngày 24/6/2020 của CT UBND tỉnh;
II	HUYỆN HIỆP HÒA						
2	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi và cấu kiện bê tông đúc sẵn	Đông Lỗ				20.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Văn bản số 3873/UBND-GT ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh
3	Bãi đỗ xe xã Bắc Lý	Bắc Lý				10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh
III	THÀNH PHỐ BẮC GIANG						
4	Khu dịch vụ, thương mại và thể thao, vui chơi giải trí phường Đa Mai	Đa Mai				10.000,0	QĐ số 1411/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND TPBG
5	Trạm bán xăng dầu thôn Nùm, xã Dĩnh Trì	Dĩnh Trì				750,0	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh
6	Dự án đầu tư Trụ sở văn phòng làm việc kết hợp kinh doanh dịch vụ thôn Nùm, xã Dĩnh Trì	Dĩnh Trì				1.500,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh
7	Đầu tư cơ sở kinh doanh dịch vụ xã Dĩnh Trì, thành phố BG	Dĩnh Trì				5.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh
8	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Giáp Nguyệt, P. Dĩnh Kế	Dĩnh Kế				2.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh
9	Khu tổ hợp dịch vụ, thương mại và văn phòng cho thuê K3-HH6.3	Đông Sơn				4.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục dịch sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
10	Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở đào tạo nghề và trung tâm sát hạch lái xe, xã Tân Mỹ	Tân Mỹ				10.000,0	QB số 1491/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh
11	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II (bổ sung)	Song Mai				1.980	QB số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh
12	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội- Bắc Giang	Đông Sơn				3.500,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 ; CV số 2720/UBND-ĐT ngày 24/6/2020 của CT UBND tỉnh;
IV HUYỆN LỘC NAM							
13	Cây xăng xã Đông Phú	Xã Đông Phú				1.500,0	Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh
14	Dự án cây xăng xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn				4.000,0	Quyết định 362/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh
15	Đất khai thác khoáng sản	Xã Bắc Lũng				30.000,0	Quyết định 903/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh
16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực Độc Đàn, Trại Cũ, thôn Mai Sơn, xã Cẩm Lý				76.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QB số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản
V HUYỆN LỘC NGẠN							
17	Xây dựng nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn	Phương Sơn				9.100,0	Công văn số 2630/UBND-ĐT ngày 17/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI HUYỆN YÊN THẾ							
18	Ngân hàng nông nghiệp TT Bố Hạ	TT Bố Hạ				1.200,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; chuyển ra ngoài khu dân cư
VII HUYỆN LẠNG GIANG							
19	Xây dựng Nhà máy may mặc xuất khẩu Tùng Dững của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và sản xuất Tùng Dững	Thôn Cầu Gỗ, xã Tiên Lục				12.000,0	QB chấp thuận đầu tư số 127/QĐ-UBND ngày 25/02/2020
20	Xây dựng nhà máy dệt may Lạng Giang của Công ty CP dệt may Lạng Giang	Thôn Bằng, Nghĩa Hòa				50.000,0	QB chấp thuận đầu tư số 379/QĐ-UBND ngày 12/5/2020

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất trồng lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
21	Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may, thùng Carton và may công nghệ cao của Công ty cổ phần IBT	Thôn Bằng, Nghĩa Hòa				50.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 373/QĐ-UBND ngày 08/5/2020
22	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và thương mại tổng hợp của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tâm Đức Bắc Giang	Thôn Bằng, Nghĩa Hòa				9.850,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 257/QĐ-UBND ngày 01/4/2020
23	Dự án xây dựng "Cơ sở chế biến gỗ, gia công cơ khí và xưởng áp trũng gia cầm" của ông Trần Văn Ut	Xã Đại Lâm				3.000,0	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh
24	Dự án xây dựng Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu	Tân Dĩnh				9.500,0	Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 19/6/5/2020 của UBND tỉnh
25	Dự án xây dựng Cơ sở chế biến gỗ và gia công cơ khí của ông Bùi Hải Lâm	TT Vôi				2.000,0	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh
26	Khu kinh doanh dịch vụ Mỹ Thái	Xã Mỹ Thái				7.300,0	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh
VIII	HUYỆN VIỆT YÊN						
27	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu Đồng Trang, thôn Hạ, xã Thượng Lan				90.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản
28	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực thôn Mỏ Thỏ, xã Minh Đức				66.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản
29	Khu nông nghiệp Công nghệ cao và xưởng sơ chế	Thôn 8, xã Việt Tiến				12.000,0	QĐ chủ trương số 316/QĐ- UBND ngày 24/5/2018; QĐ 554/QĐ- UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh
30	Nhà máy may xuất khẩu Hà Bắc	Hồng Thái				15.000,0	Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/2/2020 của UBND tỉnh
	Tổng toàn tỉnh					522.200,0	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cùm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cùm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang. Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 58; khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai năm 2013; điểm c, Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: “Trong trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, chỉ đạo cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện”. Để có cơ sở thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hằng năm HĐND tỉnh xem xét thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích dưới 10 ha sang các mục đích khác trên địa bàn tỉnh. Việc thông qua danh mục các dự án, công trình nhằm tạo tiền đề, cơ sở pháp lý để kịp thời triển khai các dự án theo quy định, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Từ căn cứ pháp lý và thực tế trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cùm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang là cần thiết, đúng thẩm quyền.

2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục, thể thức được trình bày đúng quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở tổng hợp danh mục dự án do các ngành, UBND các huyện, thành phố đề xuất và được UBND tỉnh thông qua.

3. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang cơ bản phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh bổ sung, trao đổi, làm rõ một số nội dung sau:

- Đối với Tờ trình:
 - + Đề nghị bổ sung mục “Sự cần thiết phải ban hành nghị quyết”; bỏ mục “đánh giá kết quả thực hiện thu hồi,...”.
 - + Tên tiêu đề tờ trình, đề nghị sửa lại cụm từ “...huyện Hiệp Hòa về huyện Lạng Giang” bằng cụm từ “huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang”.
 - + Một số dự án, công trình cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác chưa đầy đủ thủ tục pháp lý (quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư,...), đề nghị UBND tỉnh rà soát, loại bỏ các dự án chưa đủ thủ tục trước khi trình HĐND tỉnh.
 - + Rà soát kỹ các dự án bổ sung tính cấp bách phát sinh ngoài kế hoạch thực hiện trong năm 2020.
 - + Bổ sung đầy đủ các văn bản pháp lý đối với việc điều chỉnh 12ha đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang.
 - Đối với dự thảo Nghị quyết:
 - + Đề nghị thống nhất tên tiêu đề tại Điều 1 với tên tiêu đề của nghị quyết.
 - + Rà soát lại số liệu các dự án, công trình trùng lặp, sai sót.
- Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang. Đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP HĐND tỉnh.

**T.M. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Kim Phương

Số: 457/TTr – TNMT

Bắc Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình được phép thu hồi đất; các dự án, công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội v/v giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Kết luận số 208- KL/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương giải quyết một số vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Căn cứ Nghị quyết số 48NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang v/v thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của UBND các huyện, thành phố, sau khi rà soát theo Kết luận của Thường trực tỉnh ủy và Kết luận phiên họp UBND tỉnh tháng 6/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020 và điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa sang huyện Lạng Giang, cụ thể như sau:

1. Bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020.

1.1. Sự cần thiết phải bổ sung danh mục.

Năm 2020 là năm cuối thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2011- 2020; năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và thực hiện kế hoạch đầu tư 5 năm 2016- 2020; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ- CP ngày 9/5/2018 của Chính phủ; UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố.

Thực hiện quy định tại Khoản 8, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai: “Trong trường hợp cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trình Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của năm tiếp theo”. Ngày 24/5/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 535/QĐ-UBND v/v điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố. Do vậy, để có căn cứ triển khai thực hiện những dự án, công trình pháp sinh cần thiết phải bổ sung danh mục.

1.2. Đề nghị thông qua bổ sung danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác năm 2020, như sau:

a) Dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 có sử dụng diện tích đất trồng lúa từ 10,0 ha trở lên: 02 dự án, diện tích 33,9 ha, trong đó đất trồng lúa 32,9 ha, đất khác 1,0 ha.

b) Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha: 167 dự án, công trình, diện tích 381,7ha, trong đó: đất trồng lúa 242,8 ha; đất khác 138,9 ha.

c) Các dự án đất quốc phòng, an ninh sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha: 03 dự án, diện tích đất trồng lúa 5,48 ha.

d) Các dự án, công trình cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha đã thực hiện thu hồi đất: 10 dự án, diện tích đất trồng lúa: 7,92 ha.

e) Các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10,0 ha không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất: 30 dự án, công trình với diện tích đất trồng lúa 52,2 ha.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

2.3. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép trích lập dự phòng quỹ đất khoảng 100,0 ha đất lúa để thực hiện các công trình, dự án cấp bách và các công trình, dự án phát sinh đến cuối năm 2020.

2. Đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp từ huyện Hiệp Hòa về huyện Lạng Giang.

2.1. Sự cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu.

Cụm công nghiệp Đoàn Bái được mở rộng và Điều chỉnh chủ đầu tư tại Quyết định số 668/QĐ- UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang, diện tích sau khi mở rộng là 69,8 ha (trong đó phần diện tích tăng thêm là 27 ha). Tuy nhiên, đến nay nhà đầu tư chưa triển khai các thủ tục để thu hồi đất, bồi thường, GPMB đối với phần diện tích tăng thêm, do vậy đến hết năm 2020 không có khả năng thực hiện hết toàn bộ phần diện tích mở rộng; Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang có diện tích là 26,5 ha, do UBND huyện làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, đến nay toàn bộ diện tích đã được GPMB và thực hiện các dự án đầu tư. Ngày 3/6/2020, UBND tỉnh có Công văn số 2390/UBND- CN v/v khảo sát, lập dự án đầu tư mở rộng Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tuy nhiên để nghiên cứu, khảo sát, lập dự án mở rộng Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang cần có quỹ đất cụm công nghiệp nhất định trong quy hoạch sử dụng đất, do vậy cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu đất cụm công nghiệp cho huyện Lạng Giang.

2.2. Cơ sở pháp lý

Theo điểm c, Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “trong trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, chỉ đạo cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện”.

2.3. Nội dung điều chỉnh

a) Điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, với diện tích 12,0 ha; diện tích cụm công nghiệp Đoàn Bái sau khi điều chỉnh là: 57,8 ha.

b) Điều chỉnh tăng diện tích đất cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lang Giang, diện tích 12,0 ha; diện tích cụm công nghiệp Nghĩa Hòa sau khi điều chỉnh là 38,5 ha.

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua ./.

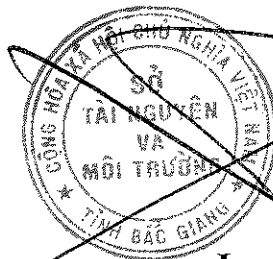
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- LĐS; KHTC;
- Chi cục QLDD;

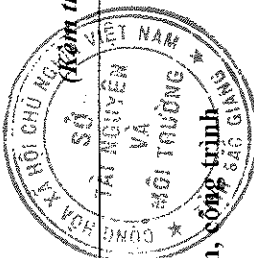
GIÁM ĐỐC



Lưu Xuân Vượng

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CÁN THU HỒI ĐẤT; CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÔNG LÚA SANG CÁC MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 451/TTr-UBND ngày 30/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
A	DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62, LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRÔNG LÚA TỪ 10 HA TRỞ LÊN						
1	Cụm công nghiệp Đại Lâm	Xã Đại Lâm	149.000,0	149.000,0		Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh	
2	Dự án Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa:	Hiệp hòa	190.000,0	180.000,0	10.000,0	Quyết định số 210/QĐ- UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh phê duyệt BC nghiên cứu khả thi	
	Tổng		339.000,0	329.000,0	10.000,0		
B	CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRÔNG LÚA DƯỚI 10 HA						
I	HUYỆN HIỆP HÒA						
1	Trường Mầm non xã Đại Thành	Đại Thành	500,0	500,0	500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 86a ngày 15/8/2019 của UBND xã Đại Thành	
2	Trường Tiểu học xã Châu Minh	Châu Minh	2.000,0	2.000,0	2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh	
3	Trường Mầm non xã Châu Minh	Châu Minh	3.000,0	3.000,0	3.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
4	Sân thể thao	Châu Minh	5.500,0	5.500,0		5.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
5	Nhà văn hoá thôn Ngọ Xã	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
6	Nhà văn hoá thôn Ngọc Liên	Châu Minh	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
7	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 2	Thị trấn Thảng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 813/NQ-UBND ngày 14/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
8	Nhà văn hóa thôn Khánh, thôn Giữa	Lương Phong	4.000,0		4.000,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
9	Đường giao thông nông thôn	Xã Châu Minh	700,0	700,0		700,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của HĐND xã Châu Minh
10	Đất thủy lợi (hoàn trả mượn do thu hồi đất để thực hiện dự án CCN Hà Thịnh)	Hợp Thịnh, Đại Thành	60.000,0	60.000,0		60.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
11	Cải tạo, nâng cấp công Đại La đê tá Cầu	Mai Trung, Hợp Thịnh	20.000,0	20.000,0		20.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
12	Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh đê tá Cầu	Đông Lỗ	500,0	500,0		500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
13	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trạm bơm Ngõ Khổng II	Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình, Bắc Lý	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
14	KDC thôn Ngõ Xá	Châu Minh	10.000,0	10.000,0		10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh
15	KDC thôn Ngọc Liên	Châu Minh	3.600,0		3.600,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh
16	KDC thôn Trung Tâm	Hoàng Thanh	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 564a/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện
17	KDC Danh Thắng (giai đoạn 2) bổ sung diện tích	Danh Thắng	5.000,0	5.000,0		5.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 542a/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND huyện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
18	Thu hồi bỏ sung diện tích đất nông nghiệp do ảnh hưởng bởi thu hồi đất dự án Đường vành đai IV - tuyến nhánh 2	Đông Lỗ	18.000,0	18.000,0		18.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Văn bản số 2096/UBND-TN ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh
19	Trụ sở tiếp dân kết hợp nhà làm việc Đài phát thanh huyện	TT. Thảng	2.500,0	2.500,0		2.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND huyện
20	Đất trụ sở cơ quan	TT. Thảng	1.300,0	1.300,0		1.300,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh;
21	Trạm y tế xã Danh Thảng	Danh Thảng	2.500,0	2.000,0	500,0	2.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 của UBND xã Danh Thảng
22	Dự án đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Hiệp hòa	18.000,0	15.000,0	3.000,0	15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 3731/QĐ-EVNNPC ngày 05/01/2017 của Tổng công ty điện lực miền Bắc
23	Khu xử lý chất thải rắn (điều chỉnh vị trí quy hoạch)	Đông Lỗ	48.000,0	48.000,0		48.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND huyện
II	HUYỆN YÊN DỨNG						

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
24	Khu dân cư thôn Yên Tập Bến	Yên Lư	16.000,0	14.000,0	2.000,0	14.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
25	Khu dân cư Bắc Am	Tư Mại	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
26	Khu dân cư Đông Khánh, Tân Ninh	Tư Mại	10.000,0	8.000,0	2.000,0	8.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
27	Khu dân cư thôn Đông Cao	Tư Mại	18.000,0	16.000,0	2.000,0	16.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
28	Khu dân cư thôn Hưng Thịnh, Phùng Hưng	Tư Mại	22.000,0	22.000,0		22.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
29	Khu dân cư Tân Hưng	Tư Mại	12.000,0	6.000,0	6.000,0	6.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
30	Khu dân cư thôn Đông Hương, Kem, Phương Sơn	TT Nham Biền	73.000,0	65.000,0	8.000,0	65.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
31	Khu dân cư thôn Nhất, Tây	Cánh Thụ	47.000,0	40.000,0	7.000,0	40.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
32	Khu dân cư thôn Tiên Phong	Nội Hoàng	91.000,0	81.000,0	10.000,0	81.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất
33	Khu dân cư Hương Gián	Hương Gián	30.000,0	25.000,0	5.000,0	25.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; XD hạ tầng đất giá đất

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
34	Khu đô thị mới số 1	TT Tân An	52.600,0	52.600,0		52.600,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết
35	Khu đất ở Tiên Phong (bổ sung diện tích khu dân cư thôn Tân Mỹ, xã Đông Sơn)	Tiên Phong	400,0	400,0		400,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
36	Sân thể thao thôn Yên Tập Bắc	Yên Lư	4.000,0	4.000,0		4.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
37	Sân thể thao xã Hương Gián	Hương Gián	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
38	Nghĩa trang, nghĩa địa thôn Phùng Hưng	Tư Mại	7.000,0	7.000,0		7.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
III THÀNH PHỐ BẮC GIANG							
39	Khu dân cư dọc 2 bên đường giao thông từ khu vực NVH thôn Sầu đi thôn Thanh Mai	Đa Mai	90.700,0	10.000,0	80.700,0	10.000,0	Quyết định 4520/QĐ- UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh
40	Dự án: nâng cấp, mở rộng đường gom bên trái tuyến QL1 đoạn từ nút giao QL31 đến nút giao Hùng Vương và cải tạo nút giao Hùng Vương	TP Bắc Giang	25.700,0	23.500,0	2.200,0	23.500,0	NQ 11/NQ- UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh
41	Xây dựng đường nối từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Võ Nguyên Giáp và cầu vượt qua đường tỉnh 295B (bổ sung)	Đa Mai, Song Mai, Tân Mỹ	42.000,0	40.000,0	2.000,0	40.000,0	Quyết định 3175/QĐ- UBND, 31/10/2018 của CT UBND thành phố

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
42	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước khu vực trạm bơm Châu Xuyên 1, TPBG	Lê Lợi Tân Tiến	4.000,0	500,0	3.500,0	500,0	Quyết định 1884/QĐ-UBNC, 31/12/2019 của CT UBND thành phố
43	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Cẩm, trạm bơm Tân Tiến	Tân Tiến	1.000,0	1.000,0		1.000,0	QĐ số 92/QĐ-UBND ngày 12/2/2020; QĐ số 93/QĐ-UBND ngày 12/2/2020 của UBND tỉnh
44	Khu đô thị số 14, thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (quy mô 23,36ha)	Tân Tiến	60.000,0	30.000,0	30.000,0	30.000,0	Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh
45	Khu đô thị mới Đồng Sơn – Tiên Phong	Đồng Sơn	100.000,0	95.000,0	5.000,0	95.000,0	Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT
46	Trường Tiểu học Đồng Sơn	Đồng Sơn	17.400,0	16.000,0	1.400,0	16.000,0	QĐ số 3179 ngày 31/10/2018 của UBND TP
47	Khu dân cư Tân Mai	Đa Mai	21.193,0	5.400,0	15.793,0	5.400,0	QĐ số 2409/QĐ-UBND ngày 4/8/2015; QĐ số 3181/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của CT UBND TP về việc điều chỉnh dự án
48	Khu đô thị Đa Mai - Song Mai 2	Đa Mai, Song Mai	50.000,0	30.000,0	20.000,0	30.000,0	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt nhiệm vụ QHCT
49	Đường giao thông từ thôn Tân Mỹ đi thôn Phấn Sơn, xã Đồng Sơn, TPBG (đoạn bỏ sung)	Đồng Sơn	18.000,0	18.000,0		18.000,0	QĐ số 691 ngày 05/3/2020 của CT UBND TP (bổ sung diện tích)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
50	Trường chính trị tỉnh (quy mô 4ha gồm Tân Tiến, Đình Kế)	Đình Kế	10.000,0	10.000,0		10.000,0	QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh; QĐ số 1103/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh; (Bổ sung chuyển mục đích đất Lúa thuộc địa giới p. Đình Kế)
51	Dự án Khu 1 thuộc KDC số 3 trên đường 295B	Xương Giang	38.500,0	16.000,0	22.500,0	16.000,0	QĐ số 631/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 và QĐ số 203 ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh
52	Khu đô thị hỗn hợp thuộc quy hoạch phân khu số 4	Song Khê	105.000,0	50.000,0	55.000,0	50.000,0	QĐ số 601/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND Tỉnh
53	Khu đô thị trung tâm xã Đồng Sơn	Đồng Sơn	100.000,0	50.000,0	50.000,0	50.000,0	QĐ số 1412/QĐ-UBND của UBND thành phố BG
54	Mở rộng bệnh viện ung bướu	Tân Mỹ	2.500,0		2.500,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
55	Mở rộng bệnh viện y học cổ truyền	p. Trần Nguyễn Hân	6.500,0		6.500,0	0,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Công văn 1956/UBND- TN ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh
56	Nhà thi đấu thể thao Bắc Giang (bổ sung trung tâm huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao tỉnh và hạ tầng kỹ thuật)	Đình Kế, Đình Trì	100.000,0	90.000,0	10.000,0	90.000,0	QĐ số 2193/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự án công trình
57	Xây dựng bệnh viện và Trung tâm chăm sóc người cao tuổi	xã Đa Mai	43.800,0	21.000,0	22.800,0	21.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
58	Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Bắc xã Đồng Sơn	Đồng Sơn	149.800,0	50.000,0	99.800,0	50.000,0	QĐ số 1412/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND TPBG

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
IV	HUYỆN LỤC NAM						
59	Khu dân cư số 1 xã Phương Sơn	xã Phương Sơn	45.000,0	18.000,0	27.000,0	18.000,0	Quyết định 455/QĐ -UBND ngày 27/3/2019 của UBND tỉnh
60	Xây dựng tuyến nội từ Quốc lộ 31 đi 37(đoạn từ cầu Mẫu Sơn đi Trung đoàn 111 sư 306)	Huyện Lục Nam	35.000,0	20.000,0	15.000,0	20.000,0	Công văn số 104/HĐND-VP ngày 28/9/2018
61	Xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 289 kéo dài	Xã Bình Sơn	32.000,0	12.000,0	20.000,0	12.000,0	Quyết định 1450/QĐ -UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh
62	Hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt tập trung	Xã Đông Hưng, Đông Phú	5.000,0		5.000,0		Quyết định 2033/QĐ-UBND ngày 02/2/2019 của UBND tỉnh
63	Dự án đất ở nông thôn thôn Nội Chùa	Xã Yên Sơn	7.000,0		7.000,0		Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 03/2/2020 của UBND huyện Lục Nam
64	Xây dựng đường dây 220KV tại xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn	2.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	Công văn số 1465/UBND-KT ngày 11/6/2009; số 3087/UBND-KT ngày 21/12/2012; số 2850/UBND-KT ngày 28/10/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang
65	Đất xen kẹt trong khu dân cư tại TT Đồi Ngõ (trước kia là xã Tiên Hưng)	TT Đồi Ngõ	1.200,0	1.000,0	200,0	1.000,0	Thông báo số 186/TB-UBND ngày 30/8/2019 của UBND huyện Lục Nam
66	Đất dân cư gần trường mầm non Hoa Sen và đất xen kẹt	TT Đồi Ngõ	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Lục Nam
67	Thu hồi, chuyển mục đích công cộng để xây dựng nhà văn hóa sang đất ở tại dự án khu dân cư hồ thanh niên	TT Đồi Ngõ	1.000,0		1.000,0	0,0	Công văn số 113/UBND ngày 02/6/2020 của UBND TT Đồi Ngõ

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
68	Dự án mở rộng trường mầm non số 2, TT Đồi Ngố	TT Đồi Ngố	4.000,0	4.000,0		4.000,0	Quyết định 1674/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của UBND huyện Lục Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
69	Bãi rác thôn Quỳnh Độ	Xã Bắc Lũng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
HUYỆN LỤC NGÀN							
70	Dự án: Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2)	TT Chũ	46.000,0	15.000,0	31.000,0	15.000,0	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
71	Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư đường Lê Duẩn kéo dài, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1)	TT Chũ	2.000,0	2.000,0		2.000,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thu hồi và thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất được một phần năm 2019
72	Xây dựng Trường Mầm non trung tâm thôn Trại Mới, xã Giáp Sơn	Giáp Sơn	6.000,0	5.000,0	1.000,0	5.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
73	Xây dựng Trường mầm non Sơn Hải	Sơn Hải	7.800,0	6.600,0	1.200,0	6.600,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 1238/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
74	Xây dựng Trường mầm non Nam Dương	Nam Dương	9.200,0	2.200,0	7.000,0	2.200,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND huyện Lục Ngạn
75	Xây dựng Trường mầm non Mỹ An	Mỹ An	6.000,0		6.000,0		Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; QĐ số 2566/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Lục Ngạn
76	Đường dây và TBA 110 KV Sơn Động (bổ sung)	Toàn huyện	3.000,0	1.200,0	1.800,0	1.200,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; bổ sung diện tích thiếu

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
77	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Nam Dương	Nam Dương	10.000,0		10.000,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND huyện	
78	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn	Kiên Thành	40.000,0	10.000,0	30.000,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019, chưa chuyển đích sử dụng đất	
79	Xây dựng điểm tập kết, trung chuyển, xử lý rác thải	Toàn huyện	200.000,0	60.000,0	140.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/2/2020 của BTV Tỉnh ủy	
80	Cải tạo, nâng cấp ĐT 289 đoạn Chũ - Khuôn Thàn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (bổ sung)	TT Chũ, Trù Hựu, Kiên Thành	50.000,0	10.000,0	40.000,0	QĐ số 1393/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang	
81	Xây dựng Cầu Chũ mới trên tuyến đường 289 kéo dài, huyện Lục Ngạn	Nam Dương, Trù Hựu	25.000,0		25.000,0	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh	
82	Xây dựng Trường THPT Lục Ngạn số 2 (Bổ sung)	Tân Hoa	2.700,0		2.700,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; bổ sung diện tích thiếu	
83	Khu đô thị mới Chợ Nông Sản, huyện Lục Ngạn (Bổ sung đất lúa)	Trù Hựu	6.500,0	6.500,0		Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu	
84	Xây dựng kho bạc nhà nước huyện (Bổ sung)	TT Chũ	1.000,0	500,0	500,0	Nghị Quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu	
VI	HUYỆN YÊN THẾ						
85	Điểm dân cư thôn Công Châu, xã Đồng Hưu	Thôn Công Châu, xã Đồng Hưu	6.200,0	6.200,0		Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
86	Điểm dân cư bản Đông Vương, xã Đông Vương	Bản Đông Vương, xã Đông Vương	12.200,0	12.200,0		12.200,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
87	Khu dân cư mới xã Hương Vỹ	Thôn Chùa, xã Hương Vỹ	63.700,0	62.000,0	1.700,0	62.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
88	Mở rộng Trường trung học cơ sở Đông Sơn	Thôn Đồi Lành, xã Đông Sơn	4.500,0	4.500,0		4.500,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chi tiêu phát triển KT-XH; kế hoạch đầu tư công, chương trình MTQG và dự toán thu chi ngân sách năm 2020
89	Mở rộng trường THCS Xuân Lương (xây dựng 6 phòng học, sân chơi bãi tập cho học sinh)	Bản Làng Dưới, Cầu Nhân, Xuân Lương	3.283,0	2.683,0	600,0	2.683,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chi tiêu phát triển KT-XH;
90	Mở rộng trường Mầm non Tam Tiến	Bản Trại Lốt-Tam Tiến	1.800,0	1.800,0		1.800,0	QĐ số 899/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 về giao chi tiêu phát triển KT-XH;
91	Bãi xử lý rác thải tập trung khu vực phía đông	Đông Hương	62.000,0		62.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
92	Điểm tập kết rác các thôn	Đông Hương	500,0		500,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
93	Mở rộng bãi rác Đồi Mồ - TT Bó Hạ	TT Bó Hạ	6.000,0		6.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
94	Khu xử lý rác thải xã Đông Tiến	Bản Cây Thi-Đông Tiến	4.000,0		4.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
95	Điểm tập kết rác thải các bản	Đông Tiến	500,0		500,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
96	Khu xử lý rác thải xã Đồng Lạc	Đồng Lạc	3.000,0		3.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
97	Điểm tập kết rác tại các thôn	Đồng Lạc	300,0	200,0	100,0	200,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
98	Khu xử lý rác thải xã Đồng Vương	Bản Thái Hà - Đồng Vương	20.000,0		20.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
99	Điểm tập kết rác thải các bản	Đồng Vương	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
100	Khu xử lý rác thải xã Hồng Kỳ	Bản Cầu Tu - Hồng Kỳ	2.000,0		2.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
101	Điểm tập kết rác thải tại các thôn, bản	Hồng Kỳ	500,0	500,0		500,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
102	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Tâm	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
103	Mở rộng bãi rác thải tập trung xã An Thượng, thôn An Thành	An Thượng	3.000,0	3.000,0		3.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
104	Điểm tập kết rác thải các bản	Tam Tiến	600,0		600,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
105	Khu xử lý rác tập trung thôn Đông Kênh	Đông Sơn	2.000,0		2.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
106	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đông Sơn	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
107	Khu xử lý rác tập trung thôn Đồng Lân	Đông Kỳ	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
108	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đông Kỳ	500,0	400,0	100,0	400,0	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
109	Khu xử lý rác tập trung xã Xuân Lương	Xuân Lương	8.000,0		8.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
110	Điểm tập kết rác thải các bản	Xuân Lương	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
111	Khu xử lý tập trung bản Cồn Trang	Canh Nậu	2.000,0		2.000,0	0,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
112	Điểm tập kết rác thải các bản	Canh Nậu	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
113	Khu xử lý rác thải tập trung thôn Mỏ	Hương Vĩ	4.000,0		4.000,0		Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
114	Điểm tập kết rác thải các thôn	Hương Vĩ	200,0	200,0		200,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
115	Khu xử lý tập trung	Tân Sỏi	2.000,0	2.000,0		2.000,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
116	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tân Sỏi	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
117	Điểm tập kết rác các thôn	Tam Hiệp	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
118	Điểm tập kết - thôn Tân Gia	Tân Hiệp	500,0	300,0	200,0	300,0	Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
119	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tiến Thắng	500,0		500,0		Chỉ thị số 17-CT/TTU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy;
120	Bến thủy nội địa các thôn Đình Tiến, Liên Tân, Tân Xuân, Xuân Lan, Gia Lâm, Tân Tiến	TT Bó Hạ	12.000,0	6.500,0	5.500,0	6.500,0	Công văn số 1136/UBND-NN ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh
121	Trạm Y tế TT Bó Hạ	TT Bó Hạ	3.000,0	2.500,0	500,0	2.500,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
122	Khu vui chơi giải trí thể thao thôn Dinh Tiến	TT Bó Hạ	5.000,0		5.000,0	7.000,0	QĐ số 157/QĐ-UBND ngày 15/3/2019
123	Đường dây và TBA110KV Tân Yên	Huyện Yên Thế	8.400,0	7.000,0	1.400,0	7.000,0	Căn cứ CV 1977/BDALĐ-PQLCTI ngày 18/5/2020 của BQL dự án lưới điện
VII HUYỆN LẠNG GIANG							
124	Khu dân cư tập trung xã An Hà	Thôn Đông, thôn Ęm, xã An Hà	75.000,0	73.000,0	2.000,0	73.000,0	Số TT 354, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
125	Khu dân cư thôn Chùa và thôn Am	Xã Xuân Hương	20.000,0	20.000,0		20.000,0	Số TT 362, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
126	Khu dân cư thôn Hương Mãn	Xã Xuân Hương	2.500,0	2.000,0	500,0	2.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
127	Khu dân cư thôn Hạ (Giai đoạn I)	Xã Mỹ Thái	100.000,0	98.000,0	2.000,0	98.000,0	Số TT 365, Biểu 10/CH Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
128	Cụm công nghiệp Nghĩa Hoà	Xã Nghĩa Hoà	5.000,0	5.000,0		5.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019
129	Xây dựng đường trục thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao (BT)	Thị trấn Vôi và xã Xương Lâm	19.700,0	19.700,0		19.700,0	Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh
130	Mở rộng trường mầm non Đào Mỹ	Thôn Tây Lò, xã Đào Mỹ	10.000,0	9.500,0	500,0	9.500,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công
131	Bãi xử lý rác thải tập trung xã	Xã Yên Mỹ	2.000,0	1.700,0	300,0	1.700,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2019 và Kế hoạch đầu tư công

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
132	Xây dựng tuyến đường dây Cùm công nghiệp Tân Hưng	Xã Tân Hưng	1.000,0	800,0	200,0	800,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2020
133	Đường theo quy hoạch từ thôn Quang Hiến đi đường BT Nghĩa Hoà - Kép mở rộng	Xã Quang Thịnh và Nghĩa Hoà	28.000,0	22.000,0	6.000,0	22.000,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
134	Dự án khuôn viên cây xanh trường mầm non Tân Thịnh	TT Kép	4.200,0	2.900,0	1.300,0	2.900,0	Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 và Kế hoạch đầu tư công năm 2020
135	Khu đô thị số 2 (thôn Chùa)	xã Thái Đào	97.000,0	70.000,0	27.000,0	70.000,0	Điều chỉnh tên tại NQ 39/NQ-UBND (số thứ tự 747)
136	Dự án cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông và điểm dân cư trên địa bàn huyện Lạng Giang	TT Vôi và Yên Mỹ	30.000,0	23.000,0	7.000,0	23.000,0	Điều chỉnh tên và điều chỉnh tăng diện tích tại NQ 39/NQ-UBND (số thứ tự 763)
HUYỆN SON ĐÔNG							
137	Dự án: Đường dây và TBA 110KV Sơn Đông, tỉnh Bắc Giang	Xã Yên Định, xã Cẩm Dân	13.900,0	300,0	13.600,0	300,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
138	Dự án: Đường dây 110KV từ TBA 220KV Sơn Đông - TBA 110KV Sơn Đông, tỉnh Bắc Giang	Thị trấn Tây Yên Tử, xã Tuấn Đạo, xã Yên Định	14.000,0	6.000,0	8.000,0	6.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
139	Dự án Đất ở dân cư thôn Vá, xã An Bá	Thôn Vá, xã An Bá	40.000,0	25.000,0	15.000,0	25.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
140	Dự án Đất ở dân cư xã Đại Sơn	Thôn Khuân Cầu, thôn Tân Sơn, xã Đại Sơn	38.000,0	20.000,0	18.000,0	20.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
141	Mở rộng đường từ Khu 4 - Khu 2	Thị trấn An Châu	5.600,0		5.600,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
142	Dự án xây dựng bãi xử lý rác thải thị trấn Tây Yên Tử	Thị trấn Tây Yên Tử	25.000,0		25.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
143	Dự án xây dựng mở rộng bãi xử lý rác thải thị trấn An Châu	Thị trấn An Châu	25.000,0		25.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
144	Dự án xây dựng bãi xử lý rác thải xã Đại Sơn	Xã Đại Sơn	25.000,0		25.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh	
IX	HUYỆN VIỆT YÊN						
145	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Núi Trúc; trạm bơm tưới Hữu Nghị	Ninh Sơn	2.500,0	2.500,0	2.500,0	QĐ số 91/QĐ-UBND ngày 12/2/2020; QĐ số 968/QĐ-UBND ngày 16/12/2029 của UBND tỉnh	
146	Khu dân cư thôn Thượng Phúc	Tăng Tiến	60.000,0	55.000,0	5.000,0	Quyết định Chủ trương đầu tư số 1947/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện	
147	Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội- Bắc Giang, đoạn từ cầu vượt QL 37 đến cầu vượt QL 17	Việt Yên, Yên Dũng; TP Bắc Giang	223.800,0	66.500,0	157.300,0	Công văn số 1949/UBND-XD ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh	
148	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 với đường 298	Bích Động	9.000,0	4.500,0	4.500,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 1864/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện	
149	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối với đường vành đai IV	Quảng Minh, Ninh Sơn, Trung Sơn, Tiên Sơn	9.000,0	7.000,0	2.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 1943/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện Việt Yên	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Cơ sở
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
150	Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn Km83 - Km88 + 100 và Km 89+800 đến Km 91+400	xã Việt Tiến	5.000,0	4.000,0	1.000,0	4.000,0	Quyết định số 668/QĐ_UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh
151	Trường Mầm Non xã Tăng Tiến	Tăng Tiến	15.000,0	15.000,0		15.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 102/QĐ-UBND ngày 27/08/2019 của UBND xã Tăng Tiến
152	Xây dựng mới tuyến đường Hồ Công Dự kéo dài kết nối với đường Nguyễn Thế Nhỏ (để thực hiện xong việc chuyển mục đích sử dụng đất)	Bích Động	70.000,0	60.000,0	10.000,0	60.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 4803/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện
153	Xây dựng đường giao thông Nghè Nénh (để thực hiện xong việc chuyển mục đích sử dụng đất)	Nénh	30.000,0	30.000,0		30.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 706/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND huyện
154	Khu dân cư Tô đàn phó Dục Quang	Bích Động	72.000,0	68.000,0	4.000,0	68.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
155	Khu dân cư xã Hương Mai (thôn Xuân Lạn và thôn Mai Hà)	Hương Mai	6.500,0	6.500,0		6.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
156	Khu dân cư (xã Quang Châu thôn Núi Hiếu, thôn Đạo Ngạn 1)	Quang Châu	8.500,0	8.500,0		8.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
157	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính thôn Tự, xã Bích Sơn (nay là thị trấn Bích Động) đoạn từ thôn Thượng đến hết đất sân văn hóa	Bích Động	1.000,0	1.000,0		1.000,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 108/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND xã Bích Sơn (UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
158	Khu đô thị phía Đông xã Hồng Thái	Hồng Thái	65.000,0	65.000,0		65.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh
159	Khu dân cư thôn Khả Lý Thượng	Quảng Minh	6.000,0	6.000,0		6.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
160	Xây dựng mới trường mầm non xã Quảng Minh	Quảng Minh	10.000,0	10.000,0		10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
161	Mở rộng trường tiểu học xã Ninh Sơn	Ninh Sơn	3.316,0	3.316,0		3.316,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
162	Khu nhà ở công nhân tại xã Vân Trung	Vân Trung	54.900,0	54.900,0		54.900,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh
X	HUYỆN TÂN YÊN						
163	Dự án cải tạo, nâng cấp công Chương đê Hữu Thương	Liên Chung	1.000,0	1.000,0		1.000,0	QĐ số 310/QĐ- UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
164	Dự án tu bổ chống sạt lở đê cấp III trên địa bàn huyện Tân yên từ K6+000 đến K14+700 đê hữu sông Thương	Hợp Đức, Liên Chung, Việt Lập	10.000,0	10.000,0		10.000,0	QĐ số 307/QĐ- UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh
165	Xử lý cấp bách đê Hữu Thương các đoạn K0- K1+500; K2+300-K5+300; K10+00- K17+500; K27+160- K30+200	Liên Chung, Việt Lập	2.000,0	2.000,0		2.000,0	QĐ số 319/QĐ- UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh
166	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 298	Ngọc Lý, Cao Xá, TT Cao Thượng, Liên Sơn	95.000,0	90.000,0	5.000,0	90.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
167	Dự án đường dây và TBA 110KV Tân Yên	Các xã, thị trấn	50.000,0	20.000,0	30.000,0	20.000,0	Quy hoạch sử dụng đất; Quyết định 3731/QĐ-EVNNPC ngày 5/1/2017 của Điện lực miền Bắc
	<i>Tổng toàn tỉnh</i>		<i>3.816.692,0</i>	<i>2.427.899,0</i>	<i>1.388.793,0</i>	<i>2.427.899,0</i>	
C CÁC DỰ ÁN ĐẤT QUỐC PHÒNG AN NINH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA							
1	Căn cứ chiến đấu 2	Thường Thắng, Hiệp Hòa				20.000,0	Đề án số 39/ĐA-UBND ngày 11/9/2015 của UBND huyện Hiệp Hòa
2	Xây dựng công trình làm việc Công an huyện Lạng Giang	Thôn Nam Tiến, xã Xương Lâm, Lạng Giang				34.342,0	Quy hoạch đất An ninh
3	Xây dựng đường hầm Trung tâm chỉ huy và Bộ tham mưu/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	Sơn Hải, Lục Ngạn				500,0	Bổ sung điều chỉnh quy hoạch; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND huyện
	<i>Tổng toàn tỉnh</i>					<i>54.842,0</i>	
D CÁC DỰ ÁN THUỘC TRƯỜNG HỢP NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HA ĐÃ THỰC HIỆN THU HỒI ĐẤT							
I HUYỆN LỤC NGẠN							
1	Hà tầng kỹ thuật và khu dân cư Liên cơ quan, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Quý Sơn				3.500,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất, chưa chuyển mục đích sử dụng đất
2	Dự án Xây dựng DT289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đông Đình, nối QL31 với DT293) qua xã Nam Dương, Tân Mộc, huyện Lục Ngạn	Nam Dương, Tân Mộc				17.700,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
3	Trường Mầm non Trù Hựu	Trù Hựu			4.100,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; chưa chuyển mục đích sử dụng đất	
4	Cải tạo, mở rộng khuôn viên trường THCS Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Giáp Sơn			900,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất năm 2019; chưa chuyển mục đích sử dụng đất	
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Hồng Giang			2.300,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất; chưa chuyển mục đích sử dụng đất	
6	Sân vận động xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Mỹ An			2.000,0	điều chỉnh QHSDD đến 2020; đã thực hiện xong thu hồi đất; chưa chuyển mục đích sử dụng đất	
7	Xây dựng nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn	Phượng Sơn			9.100,0	QĐ số 35/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh QHSDD đến 2020 huyện Lục Ngạn	
II	HUYỆN SƠN ĐỘNG						
8	Xây dựng trạm dừng nghỉ Bắc Hà - Yên Tử	Thị trấn Tây Yên Tử			26.567,5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MĐSD	
9	Khu dân cư Khu 2 và Khu 4, thị trấn An Châu	Thị trấn An Châu			10.000,0	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MĐSD	
10	Khu dân cư thôn Nhân định, xã Yên Định	Xã Yên Định			3.000,0	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đã thu hồi đất, chưa chuyển MĐSD	
	<i>Tổng toàn tỉnh</i>				79.167,5		
E	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10,0 HA						
I	HUYỆN YÊN DŨNG						

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục dịch sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
1	Đất y tế (Công ty TNHH Dược phẩm, vật tư và thiết bị y tế Hợp Nhất)	Tiền Phong				7.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; CV số 2720/UBND-ĐT ngày 24/6/2020 của CT UBND tỉnh;
II HUYỆN HIỆP HÒA							
2	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông tươi và cấu kiện bê tông đúc sẵn	Đông Lễ				20.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Văn bản số 3873/UBND-GT ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh
3	Bãi đỗ xe xã Bắc Lý	Bắc Lý				10.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh
III THÀNH PHỐ BẮC GIANG							
4	Khu dịch vụ, thương mại và thể thao, vui chơi giải trí phường Đa Mai	Đa Mai				10.000,0	QĐ số 1411/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND TPBG
5	Trạm bán xăng dầu thôn Nùm, xã Đình Trì	Đình Trì				750,0	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh
6	Dự án đầu tư Trụ sở văn phòng làm việc kết hợp kinh doanh dịch vụ thôn Nùm, xã Đình Trì	Đình Trì				1.500,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh
7	Đầu tư cơ sở kinh doanh dịch vụ xã Đình Trì, thành phố BG	Đình Trì				5.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh
8	Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại Giáp Nguyết, P. Đình Kế	Đình Kế				2.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
9	Khu tổ hợp dịch vụ, thương mại và văn phòng cho thuê K3-HH6.3	Đồng Sơn			4.000,0	QĐ số 228/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh	
10	Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở đào tạo nghề và trung tâm sát hạch lái xe, xã Tân Mỹ	Tân Mỹ			10.000,0	QĐ số 1491/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh	
11	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II (bổ sung)	Song Mai			1.980	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của UBND tỉnh	
12	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội- Bắc Giang	Đồng Sơn			3.500,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; CV số 2720/UBND-ĐT ngày 24/6/2020 của CT UBND tỉnh;	
IV	HUYỆN LỤC NAM						
13	Cây xăng xã Đông Phú	Xã Đông Phú			1.500,0	Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh	
14	Dự án cây xăng xã Bảo Sơn	Xã Bảo Sơn			4.000,0	Quyết định 362/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh	
15	Đất khai thác khoáng sản	Xã Bắc Lũng			30.000,0	Quyết định 903/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND tỉnh	
16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực Độc Đàm, Trại Cũ, thôn Mai Sơn, xã Cẩm Lý			76.000,0	Quyết định 535/QĐ -UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản	
V	HUYỆN LỤC NGẠN						
17	Xây dựng nhà máy sản xuất thùng xốp xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn	Phượng Sơn			9.100,0	Công văn số 2630/UBND-ĐT ngày 17/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	
VI	HUYỆN YÊN THẾ						

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
18	Ngân hàng nông nghiệp TT Bồ Hạ	TT Bồ Hạ				1.200,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; di chuyển ra ngoài khu dân cư TT Bồ Hạ
VII HUYỆN LẠNG GIANG							
19	Xây dựng Nhà máy may mặc xuất khẩu Tùng Dũng của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và sản xuất Tùng Dũng	Thôn Cầu Gỗ, xã Tiên Lược				12.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 127/QĐ-UBND ngày 25/02/2020
20	Xây dựng nhà máy dệt may Lạng Giang của Công ty CP dệt may Lạng Giang	Thôn Bàng, Nghĩa Hòa				50.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 379/QĐ-UBND ngày 12/5/2020
21	Xây dựng nhà máy sản xuất phụ kiện ngành may, thùng Carton và may công nghệ cao của Công ty cổ phần IBT	Thôn Bàng, Nghĩa Hòa				50.000,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 373/QĐ-UBND ngày 08/5/2020
22	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và thương mại tổng hợp của Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tâm Đức Bắc Giang	Thôn Bàng, Nghĩa Hòa				9.850,0	QĐ chấp thuận đầu tư số 257/QĐ-UBND ngày 01/4/2020
23	Dự án xây dựng "Cơ sở chế biến gỗ, gia công cơ khí và xưởng áp trướng gia cầm" của ông Trần Văn Ưt	Xã Đại Lâm				3.000,0	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh
24	Dự án xây dựng Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu	Tân Đình				9.500,0	Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 19/6/5/2020 của UBND tỉnh
25	Dự án xây dựng Cơ sở chế biến gỗ và gia công cơ khí của ông Bùi Hải Lâm	TT Vôi				2.000,0	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh
26	Khu kinh doanh dịch vụ Mỹ Thái	Xã Mỹ Thái				7.300,0	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh
VIII HUYỆN VIỆT YÊN							

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích thu hồi			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa (m ²)	Căn cứ
			Tổng diện tích (m ²)	Đất lúa (m ²)	Đất khác (m ²)		
27	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu Đồng Trang, thôn Hạ, xã Thượng Lan				90.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản
28	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực thôn Mỏ Thỏ, xã Minh Đức				66.000,0	Quyết định 535/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; QĐ số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy hoạch khoáng sản
29	Khu nông nghiệp Công nghệ cao và xưởng sơ chế	Thôn 8, xã Việt Tiến				12.000,0	QĐ chủ trương số 316/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; QĐ 554/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh
30	Nhà máy may xuất khẩu Hà Bắc	Hồng Thái				15.000,0	Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24/2/2020 của UBND tỉnh v/v điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư
	Tổng toàn tỉnh					522.200,0	

Số: 64 /Tr-UBND

Lạng Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh quy mô và địa điểm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Kết luận số 208-KL/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương giải quyết một số vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lạng Giang;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 42/HĐND-VP ngày 29/6/2020 của Thường trực HĐND huyện về việc nhất trí cho điều chỉnh quy mô, địa điểm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020;

UBND huyện đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung về điều chỉnh quy mô và địa điểm quy hoạch sử dụng đất cụm công nghiệp đến năm 2020 huyện Lạng Giang, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết phải điều chỉnh

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Công văn số 282/UBND-TN ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và Quyết

định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lạng Giang và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh.

Sau khi rà soát, đối chiếu với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; UBND huyện xét thấy cần điều chỉnh quy hoạch đất cụm công nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung

Đề nghị bổ sung 12,0 ha chỉ tiêu đất Cụm công nghiệp tại xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Diện tích đất cụm công nghiệp trên địa bàn xã Nghĩa Hoà sau điều chỉnh là 38,11ha (tăng 12,0ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt là 26,11 ha).

(Kèm theo Bản đồ các khu vực đề nghị điều chỉnh quy mô và địa điểm)

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT

Bản điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế
- Hạ tầng;
- LĐVP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Nghiệp

Số: 62 /TTr-UBND

Lạng Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh quy mô và địa điểm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Lạng Giang.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Kết luận số 208-KL/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chủ trương giải quyết một số vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lạng Giang;

UBND huyện đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Lạng Giang xem xét thông qua để UBND huyện có cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung về điều chỉnh quy mô và địa điểm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lạng Giang, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết phải điều chỉnh

Căn cứ Nghị quyết 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016- 2020) tỉnh Bắc Giang; Công văn số 282/UBND-TN ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh và Quyết định số 138/QĐ- UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Lạng Giang và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang.

Sau khi rà soát, đối chiếu với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; UBND huyện xét thấy cần điều chỉnh quy hoạch đất cụm công nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Đề xuất nội dung điều chỉnh, bổ sung

Điều chỉnh bổ sung 12,0 ha chỉ tiêu đất Cụm công nghiệp tại xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Diện tích đất cụm công nghiệp trên địa bàn xã Nghĩa Hoà sau điều chỉnh là 38,11ha (tăng 12,0ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt là 26,11 ha).

(Kèm theo Bản đồ các khu vực đề nghị điều chỉnh quy mô và địa điểm)

Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Lạng Giang xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT;

Bản điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế
- Hạ tầng;
- LĐVP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Nghiệp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42 /HĐND-VP

Lạng Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Về việc điều chỉnh quy mô, địa
điểm quy hoạch trên địa bàn huyện

Kính gửi: UBND huyện Lạng Giang

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Lạng Giang nhận được Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 26/6/2020 của UBND huyện Lạng Giang về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm quy hoạch trên địa bàn huyện. Sau khi xem xét Tờ trình và căn cứ vào quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân (Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XI). Thường trực Hội đồng nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Nhất trí nội dung điều chỉnh, bổ sung quy mô, địa điểm quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

Bổ sung 12,0 ha chỉ tiêu đất Cùm công nghiệp tại xã Nghĩa Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Diện tích đất cùm công nghiệp trên địa bàn xã Nghĩa Hoà sau điều chỉnh là 38,11 ha (tăng 12,0ha so với chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt tại là 26,11 ha).

2. Giao UBND huyện Lạng Giang triển khai thực hiện, đảm bảo đúng theo các quy định và hướng dẫn hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

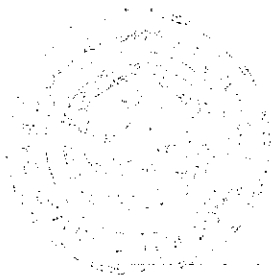
Bản điện tử:

- Thường trực Huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- LĐVP, TH.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Lợi



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40^a /HĐND-VP

Hiệp Hòa, ngày 22 tháng 6 năm 2020

V/v cho ý kiến đối với Tờ trình số
137b/TTr-UBND ngày 22/6/2020
của UBND huyện

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa

Thường trực HĐND huyện nhận được Tờ trình số 137b/TTr-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện về việc đề nghị điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hiệp Hòa.

Sau khi xem xét, Thường trực HĐND huyện nhất trí điều chỉnh giảm 12,0 ha diện tích đất cụm công nghiệp của Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa; diện tích đất cụm công nghiệp Đoàn Bái sau khi điều chỉnh là 58,0 ha.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như trên;
- TT HĐND huyện;
- LĐVP, các CV.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Tri

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *137a*/TTr-UBND

Hiệp Hòa, ngày 22 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hiệp Hòa

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQUBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số *40a*/HĐND-VP ngày 22/6/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc nhất trí điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp

Theo đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư ASIC tại Văn bản số 226/CV-2020 ngày 22/6/2020 về việc đề nghị điều chỉnh giảm diện tích trong quy hoạch sử dụng đất.

Sau khi rà soát điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, UBND huyện Hiệp Hòa đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cho phép điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp của Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, với diện tích giảm là 12,0 ha; diện tích đất cụm công nghiệp Đoàn Bái sau khi điều chỉnh là 58,0 ha.

Lý do điều chỉnh giảm: Hiện nay, chủ đầu tư đang tiến hành lập quy hoạch xây dựng chi tiết (tỷ lệ 1/500) và hoàn thiện các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

UBND huyện Hiệp Hòa đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận thông qua./. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TNMT;

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP; CVKT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Công Bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HIỆP HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 136^a/TTr-UBND

Hiệp Hòa, ngày 22 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Hiệp Hòa

Kính gửi: Thường trực HĐND huyện Hiệp Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
 Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
 Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
 Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQUBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng, danh mục công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Thực hiện Văn bản số 1314/TNMT-KHTC ngày 11/5/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; bổ sung danh mục dự án, công trình thu hồi đất, chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2020;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư ASIC tại Văn bản số 226/CV-2020 ngày 22/6/2020 về việc đề nghị điều chỉnh giảm diện tích trong quy hoạch sử dụng đất.

Sau khi rà soát điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, UBND huyện Hiệp Hòa đề nghị Hội đồng nhân dân huyện cho phép điều chỉnh giảm diện tích đất cụm công nghiệp của Cụm công nghiệp Đoàn Bái, huyện Hiệp Hòa, với diện tích giảm là 12,0 ha; diện tích đất cụm công nghiệp Đoàn Bái sau khi điều chỉnh là 58,0 ha.

Lý do điều chỉnh giám: Hiện nay, chủ đầu tư đang tiến hành lập quy hoạch xây dựng chi tiết (tỷ lệ 1/500) và hoàn thiện các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

UBND huyện trình Thường trực HĐND huyện quan tâm, xem xét./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- LĐVP, các CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Công Bộ

Hoàng Công Bộ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ASIC
Số:226/CV-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: UBND huyện Hiệp Hòa

Công ty cổ phần đầu tư ASIC được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư Mở rộng xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Đoàn Bái tại QĐ 668/QĐ-UBND ngày 25/10/2018. Tính đến nay, công ty đã tiến hành thuê các đơn vị tư vấn đo đạc bản đồ và lập đề án quy hoạch chi tiết 1/500 trình cơ quan chức năng phê duyệt.

Do có một số nội dung quy hoạch cần điều chỉnh cho phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của địa phương trong thời gian tới (Điều chỉnh sát nhập 03 Cụm công nghiệp thành 1 Khu công nghiệp) nên công ty chúng tôi xin điều chỉnh giảm chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất, Danh mục công trình sử dụng đất trong năm 2020 tại cụm công nghiệp Đoàn Bái từ 27ha xuống còn 15ha (điều chỉnh giảm 12ha - theo Bản đồ quy hoạch đính kèm).

Rất mong nhận được sự chấp thuận của Quý cơ quan.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

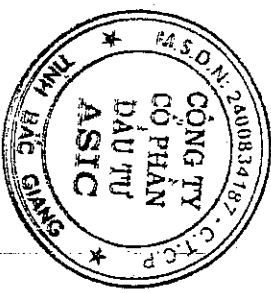
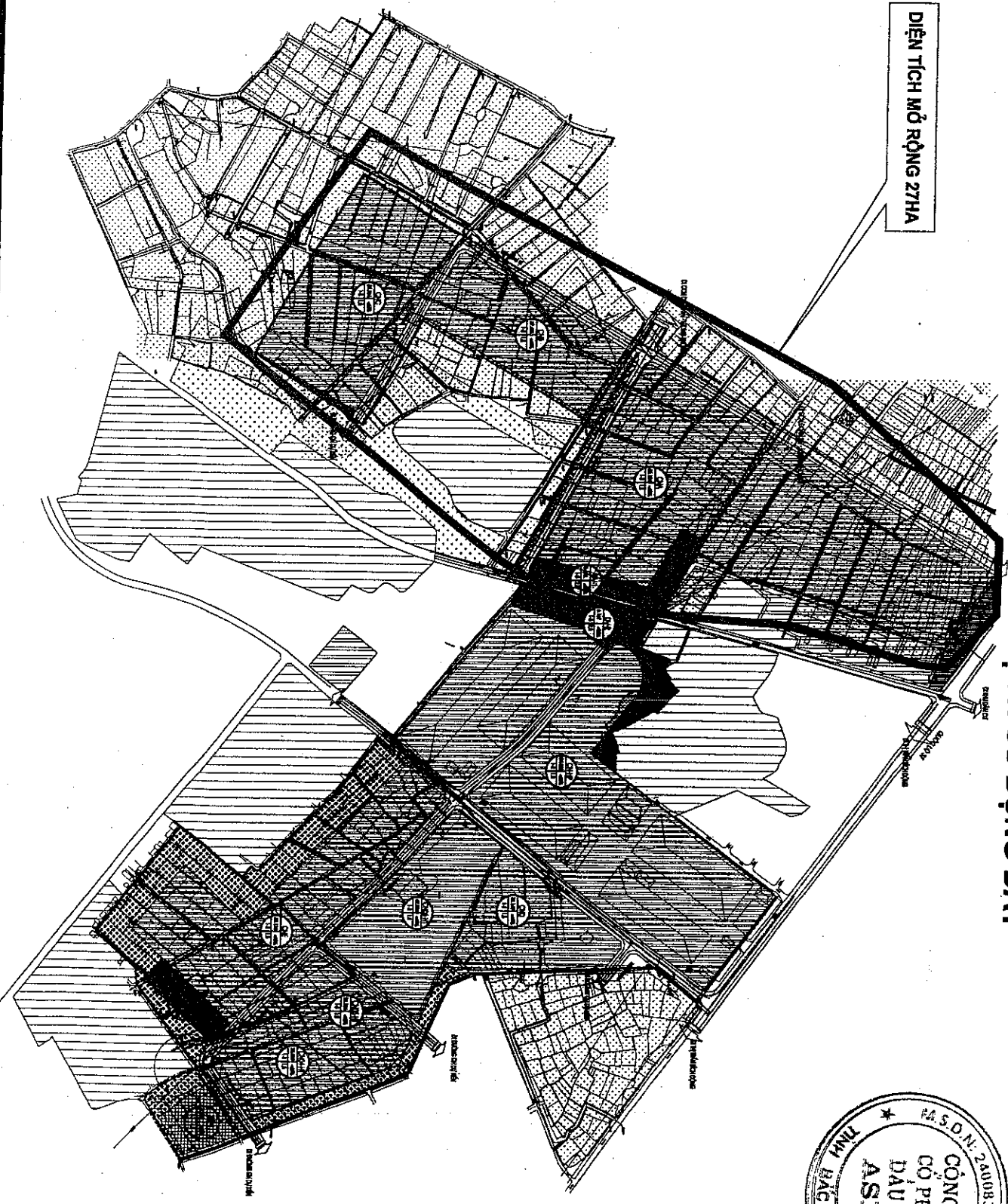


TỔNG GIÁM ĐỐC
VƯƠNG HUY HOÀNG

ĐIỀU CHỈNH MỞ RỘNG, QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/1500 CỤM CN ĐOÀN BÀI MỞ RỘNG, HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

DIỆN TÍCH MỞ RỘNG 27HA



1cm = 150m

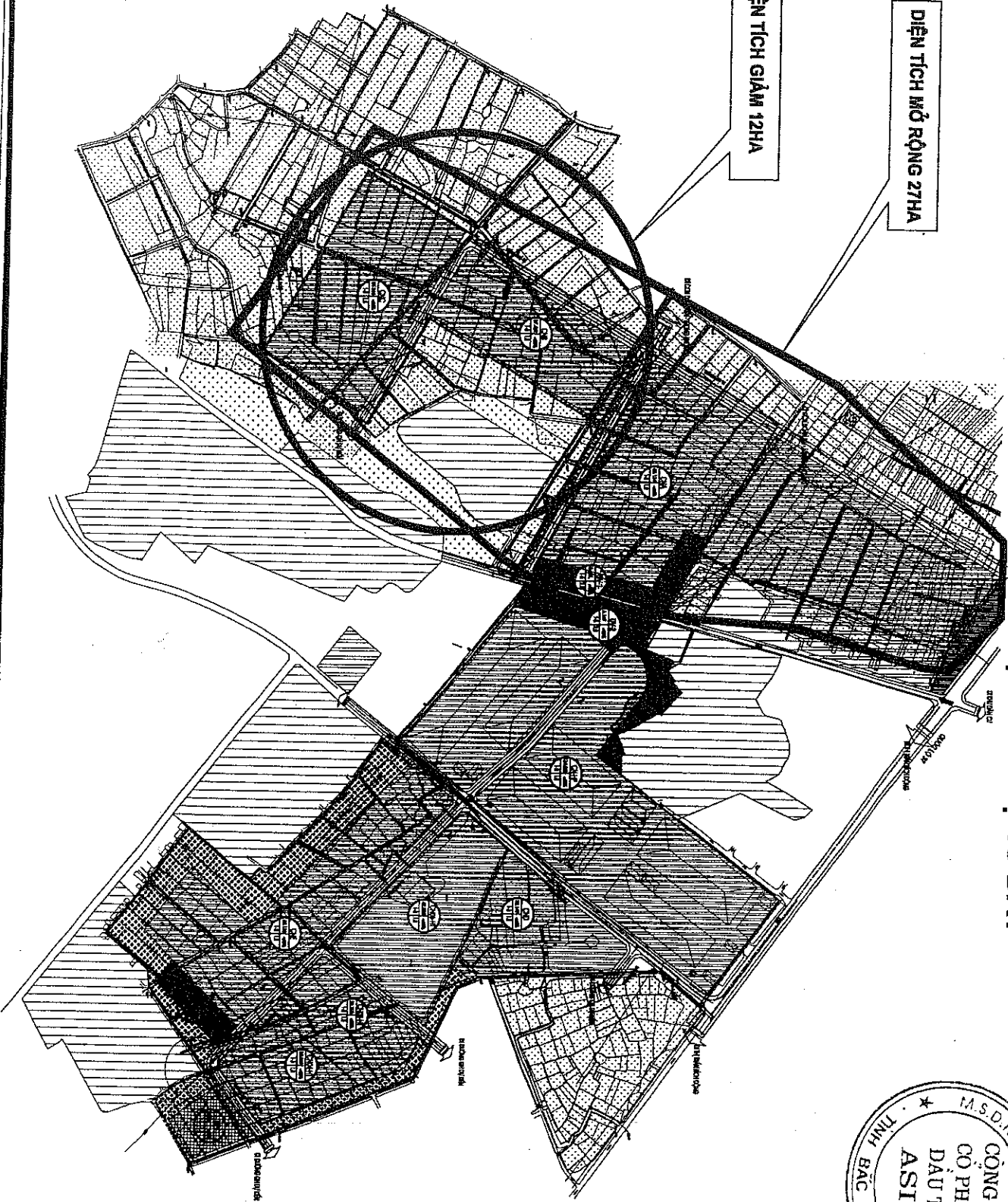
KÝ HIỆU

- đường nhựa
- đường bê tông
- đường đất
- mặt nước
- đất cây xanh
- đất ở
- đất công nghiệp
- đất nông nghiệp
- đất rừng
- đất khác

<p>ĐIỀU CHỈNH MỞ RỘNG, QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/1500 CỤM CN ĐOÀN BÀI MỞ RỘNG, HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG</p>	
<p>CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ ASIC</p>	
<p>Địa điểm xây dựng: Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang</p>	
<p>Ngày ban hành: 15/05/2015</p>	
<p>Người lập bản đồ: [Signature]</p>	
<p>Đơn vị lập bản đồ: [Signature]</p>	
<p>Ngày ban hành: 15/05/2015</p>	

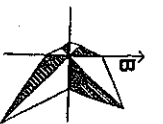
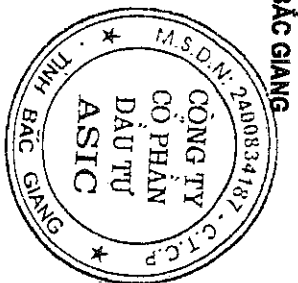
ĐIỀU CHỈNH MỞ RỘNG, QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/1500 CỤM CN ĐOÀN BẠI MỞ RỘNG, HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



DIỆN TÍCH GIẢM 12HA

DIỆN TÍCH MỞ RỘNG 27HA

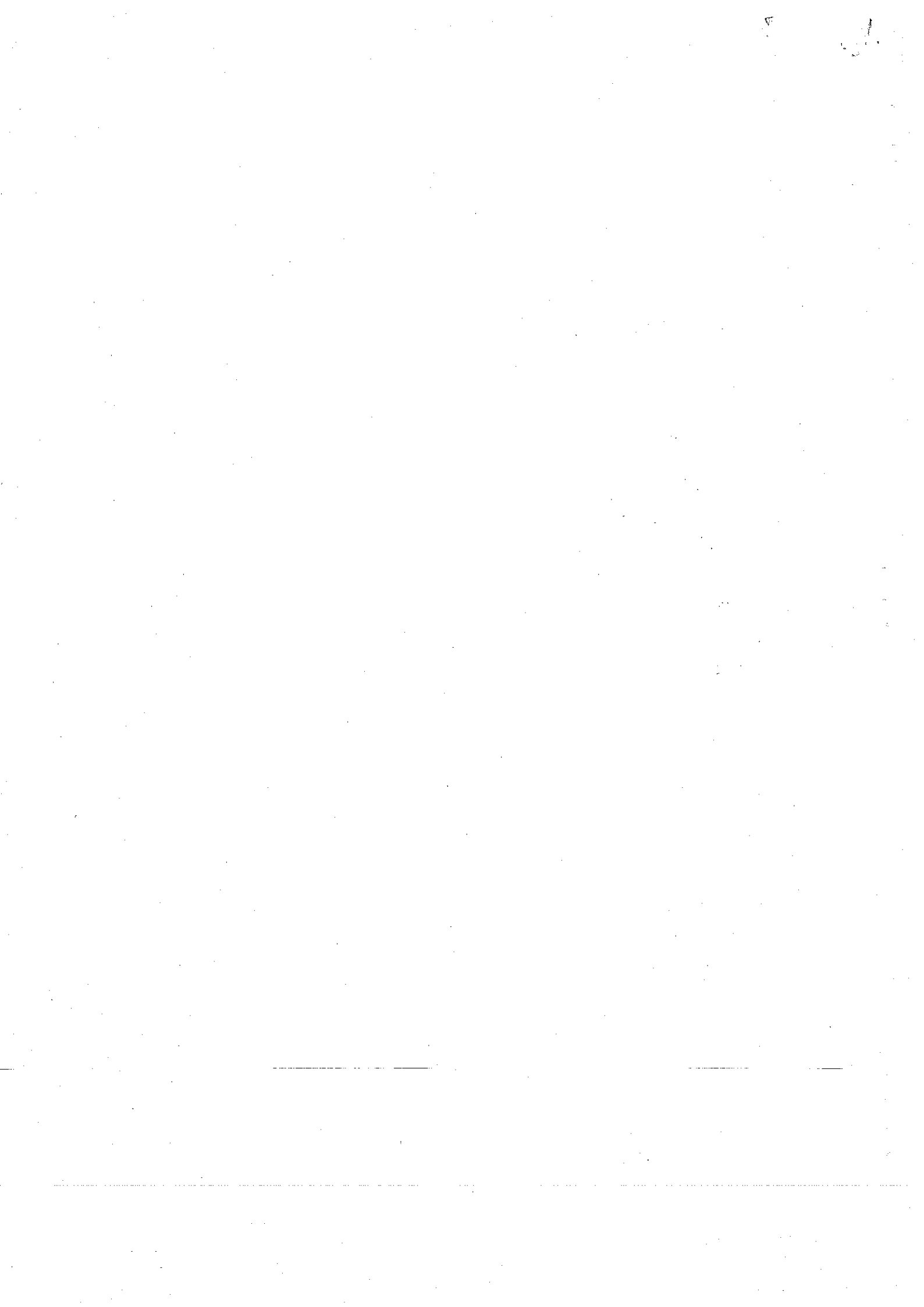


1:1000
 0 10m 20m
 1 cm trên bản đồ bằng 10 m ngoài thực tế
KÝ HIỆU

- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP
- KINH NGHIỆP

<p>Chức năng, sử dụng:</p> <p>1. Khu công nghiệp (M.S.D.N: 2200834187 - C.T.C.P)</p> <p>2. Khu dân cư (M.S.D.N: 2200834187 - C.T.C.P)</p> <p>3. Khu cây trồng (M.S.D.N: 2200834187 - C.T.C.P)</p> <p>4. Khu đất trống (M.S.D.N: 2200834187 - C.T.C.P)</p> <p>5. Khu đất nông nghiệp (M.S.D.N: 2200834187 - C.T.C.P)</p>		
<p>Quy mô và đơn vị:</p> <p>1. Quy mô: 1:1500</p> <p>2. Đơn vị: 1 ô vuông = 1 ha</p>		
<p>Ngày ban hành:</p> <p>1. Ngày ban hành: 10/10/2023</p> <p>2. Nơi ban hành: Văn phòng ASIC</p>		
<p>Người lập bản đồ:</p> <p>1. Tên: [Tên người lập bản đồ]</p> <p>2. Chức vụ: [Chức vụ]</p>		
<p>Người phê duyệt:</p> <p>1. Tên: [Tên người phê duyệt]</p> <p>2. Chức vụ: [Chức vụ]</p>		
<p>Người giám sát:</p> <p>1. Tên: [Tên người giám sát]</p> <p>2. Chức vụ: [Chức vụ]</p>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ MỸ DUNG ÁSIC



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 535 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 427/TTr-TNMT ngày 24/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các huyện, thành phố (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm:

1. Rà soát cập nhật vào bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký theo quy định. Công bố công khai việc điều chỉnh quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời các trường hợp vi phạm; không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch; xử lý nghiêm các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích, sử dụng đất không hiệu quả;

3. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (lưu HS 05);
- HĐND các huyện, thành phố.
- Lưu VT, TN.Thắng.

Bản điện tử:

- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, các chuyên viên;
- + Trung tâm Thông tin (đăng nội dung).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn



**ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG, DANH MỤC DỰ ÁN,
CÔNG TRÌNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020
CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số 535 /QĐ- UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
I	HUYỆN HIỆP HÒA					
1	Đất cơ sở giáo dục đào tạo					
-	Đất cơ sở giáo dục đào tạo	Đức Thắng	0,55		-0,55	Không có khả năng thực hiện
-	Trường Mầm non xã Đại Thành	Đại Thành		0,05	0,05	Mở rộng trường đạt tiêu chí NTM
-	Trường Tiểu học xã Châu Minh	Châu Minh		0,20	0,20	Mở rộng trường đạt tiêu chí NTM
-	Trường Mầm non xã Châu Minh	Châu Minh		0,30	0,30	Mở rộng trường đạt tiêu chí NTM
2	Đất cơ sở thể dục thể thao					
-	Sân thể thao	Xuân Cẩm, Đồng Tân, Bắc Lý	0,55		-0,55	Không có khả năng thực hiện
-	Sân thể thao	xã Châu Minh		0,55	0,55	Thực hiện để đạt tiêu chí nông thôn mới
3	Đất sinh hoạt cộng đồng					
-	Nhà văn hóa thôn	Bắc Lý	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện
-	Nhà văn hóa thôn	Mai Đình	0,20		-0,20	Không có khả năng thực hiện
-	Nhà văn hóa thôn	Hoàng An	0,30		-0,30	Không có khả năng thực hiện
-	Nhà văn hóa thôn	Lương Phong	0,40		-0,40	Không có khả năng thực hiện
-	Nhà văn hoá thôn Ngọ Xá	Châu Minh		0,20	0,20	Thực hiện để đạt tiêu chí NTM
-	Nhà văn hoá thôn Ngọc Liên	Châu Minh		0,20	0,20	Thực hiện để đạt tiêu chí NTM
-	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 2	Thị trấn Thắng		0,30	0,30	Thực hiện để đạt tiêu chí NTM
-	Nhà văn hóa thôn Khánh, thôn Giữa	Lương Phong		0,40	0,40	Thực hiện để đạt tiêu chí NTM

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
4	Đất giao thông					
-	Đường giao thông nông thôn	Thanh Vân	0,07		-0,07	Không có khả năng thực hiện
-	Đường giao thông nông thôn	Xã Châu Minh		0,07	0,07	Thực hiện để đạt tiêu chí nông thôn mới
5	Đất thủy lợi					
-	Đất thủy lợi các xã	Các xã trong huyện	9,55		-9,55	Không có khả năng thực hiện
-	Đất thủy lợi (hoàn trả mương do thu hồi đất để thực hiện dự án CCN Hà Thịnh)	Hợp Thịnh, Đại Thành		6,00	6,00	Hoàn trả mương do thu hồi đất để thực hiện dự án CCN Hà Thịnh
	Đất thủy lợi (Cải tạo, nâng cấp công Đại La đê tả Cầu)	Mai Trung, Hợp Thịnh		2,00	2,00	Cải tạo, nâng cấp công Đại La đê tả Cầu
	Đất thủy lợi (Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh đê tả Cầu)	Đông Lỗ		0,05	0,05	Cải tạo, nâng cấp công Yên Ninh đê tả Cầu
	Đất thủy lợi (Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trạm bơm Ngộ Khổng II)	Hương Lâm, Châu Minh, Mai Đình, Bắc Lý		1,50	1,50	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu trạm bơm Ngộ Khổng II
6	Đất ở tại nông thôn					
-	Khu dân cư	Đức Thắng	1,00		-1,00	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư	Lương Phong	0,36		-0,36	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư	Đức Thắng	1,50		-1,50	Không có khả năng thực hiện
-	KDC thôn Ngộ Xá	Châu Minh		1,00	1,00	Khu dân cư đầu giá
-	KDC thôn Ngọc Liễn	Châu Minh		0,36	0,36	Khu dân cư đầu giá
-	KDC thôn Trung Tâm	Hoàng Thanh		1,50	1,50	Khu dân cư đầu giá
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Các xã trong huyện	11,60	0,00	-11,60	Điều chỉnh sang Đông Lỗ

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đông Lễ		11,60	11,60	Điều chỉnh từ các xã còn lại
8	Đất thương mại dịch vụ					
-	Đất thương mại dịch vụ	Đức Thắng	0,50		-0,50	Điều chỉnh sang Danh Thắng
-	Đất thương mại dịch vụ	Danh Thắng	0,50	0,50		Điều chỉnh từ Đức Thắng
9	Đất nuôi trồng thủy sản					
	Đất nuôi trồng thủy sản	Các xã trong huyện	25,00	0,00	-25,00	Điều chỉnh sang Đông Lễ
	Đất nuôi trồng thủy sản	Đông Lễ	0,00	25,00	25,00	Điều chỉnh từ các xã còn lại
10	Đất nông nghiệp khác					
-	Đất nông nghiệp khác	Các xã trong huyện	9,80	0,00		Điều chỉnh sang Châu Minh
-	Đất nông nghiệp khác	Châu Minh	0,00	9,80		Điều chỉnh từ các xã còn lại
II	HUYỆN YÊN DŨNG					
1	Đất ở					
-	Khu dân cư thôn An Thịnh, Yên Sơn	Tiền Phong	6,80	0,00	-6,80	Không có khả năng thực hiện
-	Khu đô thị phía Nam, thị trấn Nham Biền	TT Nham Biền	31,80	15,00	-16,80	Giảm diện tích
-	Khu Dân cư - đất ở và kinh doanh dịch vụ xã Tiền Phong	Tiền Phong	5,00	0,00	-5,00	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư Thanh Vân, Trung Sơn, Hồng Giang	Đức Giang	2,00	0,00	-2,00	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn Ngò, thôn Đạo	TT Tân An	1,90	0,00	-1,90	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn Bắc	Đồng Việt	3,50	0,00	-3,50	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư Tiểu khu 3, 4	Nham Biền	4,00	1,30	-2,70	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn Yên Tập Bền	Yên Lư		1,60	1,60	Khu dân cư đầu giá

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Khu dân cư Bắc Am	Tư Mại		1,50	1,50	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư Đông Khánh, Tân Ninh	Tư Mại		1,00	1,00	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư thôn Đổng Cao	Tư Mại		1,80	1,80	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư thôn Hưng Thịnh, Phùng Hưng	Tư Mại		2,20	2,20	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư Tân Hưng	Tư Mại		1,20	1,20	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư thôn Đông Hương, Kem, Phương Sơn	TT Nham Biền		7,30	7,30	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư thôn Nhất, Tây	Cảnh Thụy		4,70	4,70	Khu dân cư đấu giá
-	Khu dân cư thôn Tiên Phong	Nội Hoàng		9,10	9,10	Đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư
-	Khu dân cư Hương Gián	Hương Gián		3,00	3,00	Khu dân cư đấu giá
-	Khu đô thị mới số 1	TT Tân An	16,50	21,40	4,90	Đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư
-	Khu đất ở Tiên Phong	Tiên Phong	0,04	0,40	0,40	Khu dân cư đấu giá
2	Đất công trình năng lượng					
-	Cây xăng	Cảnh Thụy	0,30	0,15	-0,15	Chuyển vị trí
-	Cây xăng (vị trí khác)	Cảnh Thụy	0,00	0,15	0,15	Chuyển vị trí
3	Đất thương mại dịch vụ					
-	Đất thương mại dịch vụ (Thôn Bình An)	Tiên Phong	10,00	9,48	-0,52	Giảm diện tích
-	Đất thương mại dịch vụ	xã Cảnh Thụy	1,45	0,85	-0,60	Giảm diện tích
-	Khu mua bán tập trung thôn Tây	xã Cảnh Thụy	0,50	0,00	-0,50	Không có khả năng thực hiện
-	Đất thương mại dịch vụ	Tiên Phong	2,18	2,70	0,52	Tăng diện tích
-	Đất thương mại dịch vụ	Hương Gián		0,20	0,20	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Đất thương mại dịch vụ	Đức Giang		0,90	0,90	
4	Đất cơ sở y tế					
-	Chuyển trạm y tế xã	Tiền Phong	0,50	0,00	-0,50	Chuyển vị trí
-	Xây Mới trạm y tế xã	Hương Gián	0,50	0,35	-0,15	Giảm diện tích
-	Đất cơ sở y tế	Tiền Phong		0,65	0,65	khu mới
5	Đất cơ sở thể dục thể thao					
-	Quy hoạch sân thể thao Thạch Xá	Yên Lư	1,30	0,90	-0,40	Giảm diện tích
-	Sân thể thao thôn Cát	Đức Giang	0,65	0,00	-0,65	Giảm diện tích
-	Sân thể thao các thôn Áng, Gáo, Kép	Hương Gián	0,35	0,00	-0,35	Giảm diện tích
-	Sân thể thao thôn Yên Tập Bắc	Yên Lư		0,40	0,40	Bổ sung mới đạt nông thôn mới
-	Sân thể thao xã Hương Gián	Hương Gián		1,00	1,00	Bổ sung mới đạt nông thôn mới
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa					
-	Quy hoạch nghĩa trang xã Cảnh Thụy	Cảnh Thụy	0,48	0,18	-0,30	Giảm diện tích
-	Quy hoạch mở rộng nghĩa địa thôn Phấn Lôi, Thăng Cương	TT. Nham biên	0,20	0,00	-0,20	Không có khả năng thực hiện
-	Nghĩa trang nhân dân thôn Phùng Hưng	Tư Mại	0,20	0,70	0,50	Bổ sung mới đạt nông thôn mới
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Tiền Phong	7,50	5,85	-1,65	Giảm diện tích
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Yên Lư	3,75	0,00	-3,75	Chuyển vị trí
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Yên Lư		5,40	5,40	
8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng					

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Khu sản xuất VLXD (Đồng Đế, Bờ Nát, Bờ Sim, Chũng Nhện)	Lão Hộ	8,62	0,00	-8,62	Không có khả năng thực hiện
-	Khu VLXD khu ao cá	Trí Yên	2,00	0,73	-1,27	Giảm diện tích
-	Đất đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Lãng Sơn		9,89	9,89	2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012
9	Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi					
-	QH khu Nuôi trồng thủy sản xã Lãng Sơn sang 1,81 ha	Lãng Sơn	10,00	8,18	-1,82	Chuyển vị trí
-	Đất nông nghiệp khác (Chùa Chuối)	Đồng Phúc	0,50	0,00	-0,50	Không có khả năng thực hiện
-	Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp với chăn nuôi gia cầm	Lãng Sơn		2,32	2,32	
10	Điều chỉnh đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản					
	Khu vực Hòn Bông Lớn, thôn Xi, xã Nội Hoàng	Nội Hoàng		3,90	3,90	QĐ 367/QĐ-UBND ngày 06/5/2020
	Khu vực núi Một (núi Rùa), Tiểu khu 6, thị trấn Nham Biền	TT Nham Biền		4,38	4,38	QĐ 356/QĐ-UBND ngày 30/4/2020
	Khu vực đồi Trại Chính, thôn Quỳnh Sơn, xã Quỳnh Sơn	Quỳnh Sơn		2,20	2,20	2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017
	Khu vực đồi Trại Chính, thôn Phượng Sơn, xã Trí Yên	Trí Yên		1,80	1,80	2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017
	Khu vực núi Bà Nông, thôn Thượng Tùng, xã Lão Hộ	Lão Hộ		2,40	2,40	2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017
	Khu vực núi Bà Nông, thôn Ngò, xã Tân An	Tân An		1,20	1,20	2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017
	Khu vực Núi Vườn Tùng, thôn Bình An, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng	Tiên Phong		18,00	18,00	2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012
11	Điều chỉnh từ đất Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	Khu vực Bãi Dâu, thôn Mỹ Tượng, xã Lãng Sơn		9,89	9,89	2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
III HUYỆN LỤC NGẠN						
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giáp Sơn, Kiên Thành, Thanh Hải, Đèo Gia	4,00		-4,00	Chuyển sang Phi Điền
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Phi Điền		4,00	4,00	Chuyển từ Giáp Sơn, Kiên Thành, Thanh Hải, Đèo Gia
2	Đất bãi thải, xử lý chất thải	Sa Lý	9,10		-9,10	Chuyển từ các xã Tân Lập, Đèo Gia, Phú Nhuận, Kim Sơn, Phong Minh, Hộ Đáp, Cẩm Sơn, Hồng Giang, Đồng Cốc, Mỹ An
-	Điều chỉnh vị trí quy hoạch điểm tập kết rác thải trong nội bộ các xã trên địa bàn huyện					Các xã trên địa bàn huyện
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	Tân Lập, Đèo Gia, Phú Nhuận, Kim Sơn, Phong Minh, Hộ Đáp, Cẩm Sơn, Hồng Giang, Đồng Cốc, Mỹ An, Nam Dương		9,10	9,10	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
3	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo					
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Giáp Sơn	2,30		-2,30	Chuyển sang các xã Sơn Hải, Mỹ An, Nam Dương
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	Sơn Hải, Mỹ An, Nam Dương		2,30	2,30	Chuyển từ Giáp Sơn
4	Đất quốc phòng					
-	Xã Giáp Sơn	xã Giáp Sơn	87,10	83,48	-3,62	
-	Đất quốc phòng	Trù Hựu	0,00	0,05	0,05	Thực hiện dự án quốc phòng
-	Đất quốc phòng	Sơn Hải	0,00	3,57	3,57	Thực hiện dự án quốc phòng
5	Điều chỉnh đất thương mại dịch vụ từ xã Trù Hựu sang xã Quý Sơn	Quý Sơn	0,12	0,12		Điều chỉnh đất thương mại dịch vụ từ xã Trù Hựu sang

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						xã Quý Sơn
6	Điều chỉnh đất công trình năng lượng từ xã Sơn Hải sang xã Giáp Sơn	Giáp Sơn	0,02	0,02		Điều chỉnh đất công trình năng lượng từ xã Sơn Hải sang xã Giáp Sơn
7	Đất ở					
	Điều chỉnh giảm chỉ tiêu đất ở tại đô thị để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và đường kết nối khu liên cơ quan với đường vành đai thị trấn Chũ	TT Chũ	30,00	25,40	-4,60	Điều chỉnh giảm 46.000 m ² sang thực hiện dự án: Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2)
	Xây dựng dự án: Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2)			4,60	4,60	
	Điều chỉnh giảm đất công trình năng lượng tại xã Sơn Hải	Sơn Hải	0,15	0,10	-0,05	Điều chỉnh 500 m ² từ xã Sơn Hải sang xã Hồng Giang
	Tăng chỉ tiêu đất công trình năng lượng tại xã Hồng Giang	Hồng Giang		0,05	0,05	
8	Điều chỉnh đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản			21,07	21,07	
	Khu vực núi Bồng, thôn Bồng, xã Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn	Phụng Sơn		7,00	7,00	QĐ 579/QĐ-UBND ngày 18/4/2019
	Khu vực Bô Lầy, thôn Phú Xuyên, xã Phụng Sơn	Phụng Sơn		5,00	5,00	QĐ 360/QĐ-UBND ngày 05/5/2020
	Khu vực đồi Quán, thôn Hòa Mục và thôn Xuân An, xã Mỹ An	Mỹ An		3,30	3,30	QĐ 1150/QĐ-UBND ngày 16/7/2019
	Khu vực thôn Khả Lã 2, xã Tân Lập	Tân Lập		2,73	2,73	QĐ 366/QĐ-UBND ngày 06/5/2020
	Khu vực đồi Bờ Đắp, thôn Biêng, xã Nam Dương	An Dương		3,04	3,04	QĐ 725/QĐ-UBND ngày 14/4/2020
IV	THÀNH PHỐ BẮC GIANG					

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
1	Đất cơ sở y tế					
-	Đất cơ sở y tế	Toàn thành phố	4,63		-4,63	Không có khả năng thực hiện
-	Đất cơ sở y tế và đất cơ sở dịch vụ xã hội	Đa Mai		4,38	4,38	Xây dựng bệnh viện và Trung tâm chăm sóc người cao tuổi
-	Đất cơ sở y tế (Bệnh viện ung bướu)	Tân Mỹ		0,25	0,25	Mở rộng bệnh viện ung bướu
-	Đất cơ sở thể dục thể thao (sân bóng công ty đạm) sang đất y tế (mở rộng bệnh viện y học cổ truyền)	P. Trần Nguyên Hãn	0,65	0,65		mở rộng bệnh viện y học cổ truyền
2	Đất thương mại dịch vụ					
-	Đất thương mại dịch vụ	p. Trần Phú	0,30			Không có khả năng thực hiện
-	Đất thương mại dịch vụ (trụ sở công ty công trình đô thị)	Lý Thái Tổ, Trần Phú		0,30		trụ sở công ty công trình đô thị
-	Điều chỉnh từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ	xã Song Khê	0,50	0,50		Điều chỉnh từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ (Công ty Trường An)
3	Đất giao thông					
-	Điều chỉnh dự án Kho bãi và lưu giữ hàng hóa tại xã Đồng Sơn (SKC) sang đất đất giao thông (dự án cảng đường thủy nội địa tổng hợp Đồng Sơn)	xã Đồng Sơn	19,80	19,80		Công văn số 1696/BGTVT-KHĐT ngày 13/02/2018 của Bộ giao thông vận tải
-	Đất cơ sở thể dục thể thao (sân bóng công ty đạm) sang đất giao thông	P. Trần Nguyên Hãn	0,10	0,10		mở rộng đường vào bệnh viện y học cổ truyền
4	Đất ở					
	Khu Đông Bắc, thành phố Bắc Giang	P. Xương Giang, xã Dĩnh Trì	80,00	70,00	-10,00	Chưa triển khai thực hiện
	Khu đô thị mới Đồng Sơn - Tiên Phong	xã Đồng Sơn	0,00	10,00	10,00	Phù hợp QH chung, QĐ số 343/QĐ-UBND

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh
V	HUYỆN LỤC NAM					
1	Đất công trình năng lượng					
-	Kho xăng dầu Yên Sơn	xã Yên Sơn	0,75		-0,75	Chuyển sang Chu điện, Cẩm Lý, Thanh Lâm
-	Xây dựng cây xăng	thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện		0,20	0,20	Chuyển từ Yên Sơn
-	Xây dựng cây xăng	thôn Sơn Đình 2, xã Thanh Lâm		0,15	0,15	Chuyển từ Yên Sơn
-	Xây dựng cây xăng	thôn Trại giữa, xã Cẩm Lý		0,40	0,40	Chuyển từ Yên Sơn
2	Đất thương mại dịch vụ					
-	Đất thương mại dịch vụ	Thị trấn Đồi Ngô (TT Lục Nam cũ)	0,42		-0,42	Chuyển sang TT Đồi Ngô
-	Đất thương mại dịch vụ	xã Tiên Nha	0,50		-0,50	Chuyển sang Chu điện
-	Đất thương mại dịch vụ	xã Lan Mẫu	0,19		-0,19	Chuyển sang Thanh Lâm
-	Đất thương mại dịch vụ	thôn Chăm Mới, TT Đồi Ngô		0,42	0,42	Chuyển từ Đồi Ngô (Lục Nam cũ)
-	Đất thương mại dịch vụ	thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện		0,50	0,50	Chuyển từ Tiên Nha
-	Đất thương mại dịch vụ	thôn Sơn Đình 2, xã Thanh Lâm		0,19	0,19	Chuyển từ Lan Mẫu
3	Đất cho hoạt động khoáng sản					
-	Đất cho hoạt động khoáng sản	thôn Quỳnh độ, xã Bắc Lũng	3,50		-3,50	chuyển nội bộ xã
-	Đất cho hoạt động khoáng sản	Xuân Phú, Bắc Lũng		3,50	3,50	chuyển nội bộ xã
	Điều chỉnh Đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản			95,49	95,49	
-	Khu vực thôn Hồ Trúc, xã Cẩm Lý	Cẩm Lý		3,60	3,60	Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 31/01/2019

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Khu Rừng Làng, thôn Chính Hạ, xã Lan Mẫu	Lan Mẫu		3,60	3,60	QĐ số 1565/QĐ-UBND ngày 09/10/2018; số 425/QĐ-UBND ngày 28/6/2019
-	Khu rừng Nghè và đồi Mười, thôn Xuân Phú, xã Bắc Lũng	Bắc Lũng		5,50	5,50	Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 25/6/2018
	Khu vực đồi Lương Rúa, thôn Lương Khoai, xã Huyền Sơn	Huyền Sơn		4,00	4,00	Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 16/8/2019
	Khu Hồ Ráy, thôn An Phú, xã Cương Sơn	Cương Sơn		4,50	4,50	QĐ số 2075/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 ngày 16/8/2019
	Khu vực núi Quán Giếng, thôn Ngạc Lâu, xã Nghĩa Phương	Nghĩa Phương		4,00	4,00	QĐ số 698/QĐ-UBND ngày 08/4/2020
-	Khu Hồ Chiêm, xã Bảo Sơn	Bảo Sơn		4,60	4,60	QĐ số 636/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
-	Khu Trại Chuột, xã Tam Di	Tam Di		3,00	3,00	QĐ số 636/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
	Khu vực Hồ Dừng, thôn Tổng Lệnh 2, xã Trường Giang	Trường Giang		5,00	5,00	QĐ 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
	Khu vực Hang Không Góc Ngái, thôn Kim Xa, xã Cẩm Lý	Cẩm Lý		5,99	5,99	QĐ 40/QĐ-UBND ngày 11/01/2017
	Khu đồi Viêng, thôn Ngòi, xã Thanh Lâm	Thanh Lâm		2,90	2,90	QĐ 743/QĐ-UBND ngày 12/6/2014
	Khu đồi Viêng, thôn Khiêu, xã Phương Sơn	Phương Sơn		1,30	1,30	QĐ 743/QĐ-UBND ngày 12/6/2014
	Khu rừng Đèo, thôn Bắc Lộc 1, xã Bảo Sơn	Bảo Sơn		5,00	5,00	QĐ 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
	Khu rừng Quan, thôn Bắc Lộc 1, xã Bảo Sơn	Bảo Sơn		5,00	5,00	QĐ 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
	Khu vực Dốc Cửa Khuôn, thôn Quỳnh Cả, xã Nghĩa Phương	Nghĩa Phương		4,00	4,00	
	Khu vực núi Mào Gà, thôn Hồ Sâu, xã Nghĩa Phương	Nghĩa Phương		5,00	5,00	QĐ 2073/QĐ-UBND ngày

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						08/12/2017
	Khu vực Cửa Khuôn, Đập Đốc Vàng, thôn Quỳnh Cả, thôn Đông Man, xã Nghĩa Phương	Nghĩa Phương		4,00	4,00	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu vực rừng Đồng Tháp, thôn Nghè 1, xã Tiên Nha	Tiên Nha		6,00	6,00	QĐ 979/QĐ-UBND ngày 02/6/2015
	Khu vực Hồ Ráy, thôn An Phú, xã Cương Sơn	Cương Sơn		3,50	3,50	QQĐ 113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
	Khu vực Ao Cả, thôn Vãn Non, xã Lục Sơn	Lục Sơn		10,00	10,00	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu đôi Tròn (Hồ Lầy), thôn Bình An, xã Huyện Sơn	Huyện Sơn		5,00	5,00	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	xã Cẩm Lý	3,50		-3,50	chuyển nội bộ xã
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (dự án NTTS và rau sạch)	xã Cẩm Lý		3,50	3,50	chuyển nội bộ xã
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	xã Chu Điện	1,00		-1,00	chuyển sang xã Yên Sơn
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	xã Cương Sơn	0,70		-0,70	chuyển sang xã Yên Sơn
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	xã Yên Sơn	1,70	1,70	1,70	Chuyển từ xã Chu Điện, xã Cương Sơn
5	Đất nuôi trồng thủy sản					
-	Đất nuôi trồng thủy sản	Bắc Lũng, Đan Hội, Tam Dị, Thanh Lâm, Bảo Sơn, Cẩm Lý	26,70		-26,70	Chuyển sang Cẩm Lý
-	Đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm lý		26,70	26,70	Chuyển từ Bắc Lũng, Đan Hội, Tam Dị, Thanh Lâm, Bảo Sơn, Cẩm Lý
6	Đất giao thông					

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Đường nội thị thị trấn Đồi Ngô (TT Lục Nam cũ)	TT Đồi Ngô	1,59	0,00	-1,59	Chuyển sang các công trình khác
-	Đường từ công an huyện đi khu dân cư non giao	TT Đồi Ngô	1,76	0,00	-1,76	Chuyển sang các công trình khác
-	Đất giao thông thôn xóm, nội đồng xã Tam Dị và xã Bảo Sơn	Tam Dị và Bảo Sơn	4,40	0,00	-4,40	Chuyển sang các công trình khác
-	Xây dựng tuyến đường tỉnh 289 kéo dài	Bình Sơn		3,20	3,20	Đang đầu tư
-	Đường nội quốc lộ 31 đi quốc lộ 37	Huyện Lục Nam		3,35	3,35	
7	Chuyển từ đất Nuôi trồng thủy sản sang đất nông nghiệp khác	xã Yên Sơn	8,00	8,00	0,00	Chuyển mục đích
-	Chuyển từ rừng sản xuất sang đất nông nghiệp khác	xã Cẩm Lý	9,40	9,40		Chuyển mục đích
8	Đất ở					
-	Khu Dộc Giếng, Cửa Trường Học, thôn Chiền, Khu Trường, Khu Dộc Sĩa, xã Đan Hội	Xã Đan Hội	1,52	0,00	-1,52	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn kèn	Xã Phương Sơn	0,96		-0,96	Không có khả năng thực hiện
-	Đất ở nông thôn xã Tiên Hưng	Xã Tiên Hưng	0,40		-0,40	Không có khả năng thực hiện
-	Khu Cây Cồn, thôn Chăm Mới 1	Xã Tiên Hưng	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện
-	Khu Đồng Đàng Dưới	Xã Chu Điện	0,50		-0,50	Không có khả năng thực hiện
-	Điều chỉnh tên Khu dân cư xã Phương Sơn thành Khu dân cư số 1 xã Phương Sơn và bổ sung diện tích	Xã Phương Sơn	8,50	13,0	4,50	đã đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư
-	Khu dân cư Dộc Chiêm; đất dân dân thôn Chính Thượng, thôn Chính Hạ; khu dân cư thôn Muối xã Lan Mẫu	xã Lan Mẫu	1,46	0,00	-1,46	Không có khả năng thực hiện
-	KDC thôn Đồng Dinh	xã Tiên Nha	1,00	0,00	-1,00	Không có khả năng thực hiện
-	KDC Cửa Điểm, thôn Muối	xã Lan Mẫu	0,00	0,00	2,46	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
9	Điều chỉnh từ đất trồng lúa sang đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm	Trại Cũ, thôn Mai Sơn, xã Cẩm Lý		7,60	7,60	QĐ 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012
10	Điều chỉnh từ đất bằng chưa sử dụng sang đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm	Khu Vườn Cũ, thôn Vườn, xã Đan Hội		5,20	5,20	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018.
VI HUYỆN TÂN YÊN						
1	Đất giao thông					
-	Quy hoạch đường vành đai V	Quê Nham, Việt Lập, Cao Xá, Ngọc Châu, Lam Cốt	38,93	29,43	-9,50	Không có khả năng thực hiện
-	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 298	Ngọc Lý, Cao Xá, TT Cao Thượng, Liên Sơn		9,50	9,50	đang chuẩn bị đầu tư
2	Đất ở					
-	Đất ở đối ứng đường TL 294 (Khu dân cư Đồng Chủ-Đồng Cầu)	TT Cao Thượng	11,24	0,00	-11,24	Điều chỉnh vị trí
-	khu dân cư thuộc thôn Vàng, xã Cao Xá (trong quy hoạch chung thị trấn Cao Thượng có ký hiệu OM20, OM44, OM 45)	xã Cao Xá	0,00	11,24	11,24	Điều chỉnh vị trí
3	Điều chỉnh Đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản			22,30	22,30	
	Khu vực núi Hin, thôn Trại, xã Cao Xá	xã Cao Xá		2,00	2,00	QĐ 721/QĐ-UBND ngày 07/5/2019
	Khu núi Am, thôn Ngọc Yên Trong, thôn Ngọc Yên Ngoài, xã Cao Xá	xã Cao Xá		3,40	3,40	QĐ 435/QĐ-UBND ngày 11/3/2020
	Khu vực đồi Chùa Am, Bò Vành, thôn Am, thôn Tiêu xã An Dương	An Dương		7,00	7,00	QĐ 234/QĐ-UBND ngày 30/3/2020
	Khu vực đồi Núi Giữa, thôn Um Ngò, xã Việt Lập			2,40	2,40	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu vực núi Tiêu, thôn Hương, xã Liên Chung			6,00	6,00	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
	Khu vực núi Hin, thôn Trại, xã Cao Xá			1,50	1,50	QĐ 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
VII HUYỆN SON ĐỘNG						
1	Đất công trình năng lượng					
-	Đất công trình năng lượng thị trấn Thanh Sơn (nay là TT Tây Yên Tử)	TT Tây Yên Tử	1,59	0,00	-1,59	Không có khả năng thực hiện
-	Đất công trình năng lượng thị trấn An Châu	TT An Châu	1,40	0,00	-1,40	Không có khả năng thực hiện
-	Dự án đường dây và TBA 110KV Sơn Động	Xã Yên Định, Cẩm Đàn		1,39	1,39	Dự án đường dây và TBA 110KV Sơn Động
-	Dự án đường dây và TBA 110KV từ TBA 220 KV Sơn Động- TBA 110 KV Sơn Động	TT Tây Yên Tử, xã Tuấn Đạo, Yên Định		1,40	1,40	Dự án đường dây và TBA 110KV từ TBA 220 KV Sơn Động- TBA 110 KV Sơn Động
-	Xây dựng cửa hàng xăng	Vĩnh An		0,10	0,10	đang chuẩn bị đầu tư
	Xây dựng cửa hàng xăng	Hữu Sản		0,10	0,10	đang chuẩn bị đầu tư
2	Đất ở					
-	Đất ở nông thôn xã Bồng Am	Bồng Am	3,75	0,00	-3,75	Không có khả năng thực hiện
-	Đất ở nông thôn xã Cẩm Đàn	Cẩm Đàn	3,80	0,00	-3,80	Không có khả năng thực hiện
-	Đất ở nông thôn Nà Cái, Nà Phai	Lệ Viên	2,20	0,00	-2,20	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn Vá	An Bá	0,25	4,00	3,75	khu đấu giá đất
-	Khu dân cư xã Đại Sơn	Đại Sơn	0,00	3,80	3,80	khu đấu giá đất
-	Khu dân cư Lệ Viễn	Lệ Viên	0,00	2,20	2,20	khu đấu giá đất
3	Điều chỉnh đất giao thông từ đường nội bộ TT An Châu sang đường từ khu 4- khu 2	TT An Châu	0,56	0,56		Điều chỉnh đất giao thông từ đường nội bộ TT An Châu sang đường từ khu 4- khu 2

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
4	Đất xử lý rác thải					
-	Bãi rác thải xã An Lạc, Vĩnh Khương, An Lập, Lê Viên, Phúc Thắng, An Bá, Chiên Sơn, Quế Sơn, Thạch Sơn	Các xã trong huyện	7,50	0,00	-7,50	Không có khả năng thực hiện
-	Xây dựng bãi rác TT An Châu	TT An Châu	0,00	2,50	2,50	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Xây dựng bãi rác xã Đại Sơn	xã Đại Sơn	0,00	2,50	2,50	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Xây dựng bãi rác TT Tây Yên Tử	TT Tây Yên Tử	0,00	2,50	2,50	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Đất thương mại dịch vụ từ TT Thanh Sơn (nay là TT Tây Yên Tử) sang đất Thương mại dịch vụ TT An Châu	TT An Châu	0,73	0,73		Đất thương mại dịch vụ từ TT Thanh Sơn (nay là TT Tây Yên Tử) sang đất Thương mại dịch vụ TT An Châu
VIII	HUYỆN YÊN THẾ					
1	Đất ở					
-	Đất ở bản Thái Hà	Xã Đồng Hưu	2,50	2,31	-0,19	Chuyển sang dự án điểm dân cư thôn Công Châu, xã Đồng Hưu
-	Đất ở bản Thái Hà, xã Đồng Vương	Xã Đồng Vương	2,78	2,11	-0,67	Không có khả năng thực hiện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Khu dân cư bản Cây Vối	Xã Đồng Tiến	5,40	0,83	-4,57	Chuyển sang dự án khu dân cư mới xã Hương Vĩ
-	Điểm dân cư bản Đồng Vương, xã Đồng Vương	Bản Đồng Vương, xã Đồng Vương	0,55	1,22	0,67	Lấy từ dự án đất ở bản Thái Hà, xã Đồng Vương
-	Điểm dân cư thôn Công Châu, xã Đồng Hưu	Thôn Công Châu, xã Đồng Hưu	0,43	0,62	0,19	Lấy từ dự án đất ở bản Thái Hà, xã Đồng Hưu
-	Khu dân cư mới xã Hương Vĩ	Thôn Chùa, xã Hương Vĩ	1,80	6,37	4,57	Lấy từ dự án đất ở bản Cây Vối, xã Đồng Tiến
2	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo					
-	Mở rộng trường Mầm non Tam Tiên	Bản Trại Lốt - Tam Tiên		0,18	0,18	Lấy từ dự án Mở rộng trường THCS Đông Sơn
-	Mở rộng trường THCS Đông Sơn	Đông Sơn	1,18	1,00	-0,18	Chuyển sang thực hiện dự án Mở rộng trường mầm non Tam Tiên
-	Điều chỉnh từ đất trụ sở công ty sang đất cơ sở giáo dục và đào tạo- Trường trung cấp nghề miền núi Yên Thế	TT Phồn Xương	0,06	0,06	0,00	Điều chỉnh từ trụ sở công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Sông Thương
3	Đất bãi thải, xử lý chất thải					
-	Điểm tập kết rác thải các thôn xã Đồng Vương	Đồng Vương	1,12	0,00	-1,12	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác tại thôn Vàng, Cây Gạo, Thiều, Đền Giếng	Đồng Lạc	0,73	0,00	-0,73	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác tại thôn Trại Mới	Đồng Hưu	1,08	0,00	-1,08	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác tại thôn Luộc Giới	Tân Hiệp	0,50	0,00	-0,50	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác xã Tiên Thắng	Tiên Thắng	1,00	0,00	-1,00	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác Ao Tam thôn Đồi Hồng	Đông Sơn	1,00	0,00	-1,00	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác Trại Đàng	Đồng Kỳ	0,50	0,00	-0,50	Không có khả năng thực hiện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Điểm tập kết rác An Châu, Tân Vân, Cầu Thầy, An Thành	An Thượng	0,07	0,00	-0,07	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác thôn Đồng Nhân, thôn Hồi, thôn Chẽ, thôn Phan, thôn Chùa, thôn Mạc, Thành Chung	TT Phồn Xương	0,08	0,00	-0,08	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác xã Bồ Hạ	TT Bồ Hạ	0,40	0,00	-0,40	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác tại 7 thôn xã Đồng Tâm	Đồng Tâm	0,30	0,00	-0,30	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác bản Góc Bông	Đồng Tiến	1,00	0,00	-1,00	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác bản Còn Trang	Canh Nậu	0,70	0,00	-0,70	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác Cầu Tư, Đền Hồng	Hồng Kỳ	1,30	0,00	-1,30	Không có khả năng thực hiện
-	Điểm tập kết rác tập trung	Xuân Lương	1,00	0,00	-1,00	Không có khả năng thực hiện
-	Mở rộng bãi rác Đồi Mồ - TT Bồ Hạ	TT Bồ Hạ		0,60	0,60	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Bãi xử lý rác thải tập trung khu vực phía đông	Đồng Hưu		4,20	4,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác các thôn	Đồng Hưu		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác thải xã Đồng Tiến	Bản Cây Thị-Đồng Tiến		0,40	0,40	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các bản	Đồng Tiến		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác thải xã Đồng Lạc	Đồng Lạc		0,30	0,30	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác tại các thôn	Đồng Lạc		0,03	0,03	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác thải xã Đồng Vương	Bản Thái Hà - Đồng Vương		2,00	2,00	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các bản	Đồng Vương		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác thải xã Hồng Kỳ	Bản Cầu Tư - Hồng Kỳ		0,20	0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Điểm tập kết rác các thôn, bản	Hồng Kỳ		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Tâm		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Mở rộng bãi rác thải tập trung xã An Thượng, thôn An Thành	An Thượng		0,30	0,30	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các thôn	An Thượng		0,02	0,02	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các bản	Tam Tiến		0,06	0,06	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác tập trung thôn Đông Kênh	Đông Sơn		0,20	0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đông Sơn		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác tập trung thôn Đồng Lân	Đồng Kỳ		0,20	0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các thôn	Đồng Kỳ		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý rác tập trung xã Xuân Lương	Xuân Lương		0,80	0,80	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các bản	Xuân Lương		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý tập trung bản Còn Trang	Canh Nậu		0,20	0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các bản	Canh Nậu		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Khu xử lý rác thải tập trung thôn Mỏ	Hương vĩ		0,40	0,40	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải thôn Yên Bái	Hương vĩ		0,02	0,02	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Khu xử lý tập trung	Tân Sỏi		0,20	0,20	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tân Sỏi		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác tạm các thôn	Tam Hiệp		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác các thôn	Tân Hiệp		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
-	Điểm tập kết rác thải các thôn	Tiên Thắng		0,05	0,05	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 58/KH-

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh
3	Đất giao thông					
-	Mở rộng các tuyến đường giao thông	Tiến Thắng	1,56	0,36	-1,20	Điều chỉnh sang bên thủy nội địa TT Bồ Hạ
-	Đường giao thông nông thôn	Xã Đồng Vương	11,86	10,96	-0,90	Chuyển sang Bến xe Bồ Hạ
-	Bến thủy nội địa thôn Dinh Tiến, Liên Tân, Tân Xuân, Xuân Lan, phố Gia Lâm, phố Tân Tiến	TT Bồ Hạ	0,00	1,20	1,20	Công văn số 1136/UBND-NN ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh
-	Bến xe Bồ Hạ	TT Bồ Hạ		0,90	0,90	Lấy từ đường giao thông nông thôn xã Đồng Vương
4	Đất y tế					
-	Trạm Y tế xã Hương Vĩ	Hương vĩ	0,50	0,20	-0,30	Điều chỉnh sang dự án Trạm y tế TT Bồ Hạ
-	Trạm Y tế TT Bồ Hạ	TT Bồ Hạ	0,00	0,30	0,30	Lấy từ dự án Trạm y tế xã Hương Vĩ
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thôn Trại Mới	Đồng Hưu	1,80		-1,80	Điều chỉnh sang dự án đất cơ sở SXPNN xã Đông Sơn
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp khu bãi Lát	Tam Tiến	1,00		-1,00	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đồng Lạc	1,00		-1,00	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thôn Dinh Tiến	TT Bồ Hạ	2,20	1,00	-1,20	
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Thôn Vi Sơn và thôn trường Sơn, xã Đông Sơn		5,00	5,00	Lấy từ đất cơ sở SXPNN xã Đồng Hưu, Tam Tiến, Đồng Lạc, Bồ Hạ
6	Đất thương mại dịch vụ					
-	Đất thương mại dịch vụ	Xã Đồng Lạc	1,00	0,88	-0,12	Điều chỉnh sang dự án Ngân hàng

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
						NN&PTNN chi nhánh Bồ Hạ
-	Dự án Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Bồ Hạ	TT Bồ Hạ		0,12	0,12	Lấy từ dự án đất thương mại dịch vụ xã Đồng Lạc
7	Điều chỉnh từ đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản					
	Khu vực Rừng Từ, thôn Bến Trăm, xã Đông Sơn	Đông Sơn		1,74	1,74	QĐ 1363/QĐ-UBND ngày 16/8/2019
	Khu vực đồi ông Luận thôn Thành Chung, thị trấn Phồn Xương	TT Phồn Xương		3,50	3,50	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
IX	HUYỆN VIỆT YÊN					
1	Đất ở					
-	Xây dựng khu dân cư thôn Chăm khu Bờ Duyên	Tăng Tiến	2,00		-2,00	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn Thượng Phúc	Tăng Tiến	4,00	6,00	2,00	Điều chỉnh từ dự án Xây dựng khu dân cư thôn Chăm khu Bờ Duyên sang
-	Khu đô thị mới xã Tự Lạn	Tự Lạn	8,70		-8,70	Không có khả năng thực hiện
-	Khu dân cư thôn Dục Quang	Bích Động		7,20	7,20	chuyển từ Khu đô thị mới xã Tự Lạn
-	Khu dân cư xã Hương Mai (thôn Xuân Lạn và thôn Mai Hạ)	Quảng Minh		0,65	0,65	chuyển từ Khu đô thị mới xã Tự Lạn
-	Khu dân cư (xã Quang Châu thôn Núi Hiều, thôn Đạo Ngạn 1)	Quang Châu		0,85	0,85	chuyển từ Khu đô thị mới xã Tự Lạn
-	Xây dựng khu nhà ở xã hội xã Hoàng Ninh (Phục vụ khu công nghiệp Việt Hàn)	Hoàng Ninh	12,60	0,00	-12,60	Chưa triển khai thực hiện vì chưa thành lập KCN
-	Khu đô thị phía Đông xã Hồng Thái	Hồng Thái	0,00	6,50	6,50	Chuyển từ khu nhà ở xã hội xã Hoàng Ninh (QĐ 77/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Khu nhà ở công nhân xã Vân Trung	Vân, trung	0,00	5,49	5,49	Kết luận của TT Tỉnh Ủy
-	Khu dân cư thôn Khả Lý Thượng	Quảng Minh	0,00	0,61	0,61	Chuyển từ khu nhà ở xã hội xã Hoàng Ninh
2	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo					
-	Mở rộng trường THCS để chuyển thành trường mầm non xã Quảng Minh	Quảng Minh	0,50	0,00	-0,50	Điều chỉnh giảm
-	Mở rộng trường tiểu học Hoàng Ninh	Nénh	0,63	0,00	-0,63	Điều chỉnh giảm
-	Xây dựng mới trường mầm non xã Quảng Minh	Quảng Minh		1,00	1,00	Chuyển 5000 m2 từ dự án Mở rộng trường THCS để chuyển thành trường mầm non xã Quảng Minh và 5000 m2 từ dự án Mở rộng trường tiểu học Hoàng Ninh sang
-	Trường mầm non Tư thực Hạnh Phúc	Việt Tiến	1,00	0,80	-0,20	Điều chỉnh giảm
-	Mở rộng trường tiểu học xã Ninh Sơn	Ninh Sơn		0,33	0,33	Chuyển 2000 m2 từ dự án Trường mầm non Tư thực Hạnh Phúc và 1316 m2 từ dự án Mở rộng trường tiểu học Hoàng Ninh sang
3	Đất giao thông					
-	Xây dựng đường vào đền Hán quận công Thân Công Tài	Quang Châu	1,00		-1,00	Điều chỉnh giảm
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ KCN Quang Châu đi thôn Quang Biểu, xã Quang Châu	Quang Châu	1,00	0,20	-0,80	Điều chỉnh giảm
-	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 với đường 298	Thị trấn Bích Động		0,90	0,90	Điều chỉnh 9000 m2 từ dự án Xây dựng đường vào đền Hán quận công Thân Công Tài

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối với đường vành đai IV	Quảng Minh Ninh Sơn Trung Sơn Tiên Sơn		0,90	0,90	Điều chỉnh 1000 m ² từ dự án Xây dựng đường vào đền Hán quận công Thân Công Tài và 8000 m ² từ dự án Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ KCN Quang Châu đi thôn Quang Biểu, xã Quang Châu
-	Xây dựng tuyến đường từ Đình Đông đi thôn Đồn Lương	thị trấn Bích Động	5,40	5,40		Điều chỉnh từ xứ đồng Cháo Gà, Nền Nội, thôn Đông và xứ đồng Bờ Hồ thôn Đồn Lương nay thành xứ đồng Nền Nội (Non Nội), Cháo gà (Độc Áp), Đầy Đò, Đầy Bọc, Biền Thê, Đầy Lão, Nền Minh thôn Đông và xứ đồng Bờ Hồ, Cầu Giai, Cây Duối, Đìa Bọc, Giếng Đán, Lỗ Muối trong, Nền Trước, Ngọc Dưới thôn Đồn Lương
3	Khu trung tâm thương mại tại xã Hồng Thái, huyện Việt Yên (ngã tư Đình Trám)	Hồng Thái	0,04	0,04		Điều chỉnh từ đất hành lang đường giao thông sang đất thương mại, dịch vụ (theo quy định hành lang đường mới)
-	Khu trung tâm thương mại tại thôn Chàng, xã Việt Tiến	Việt Tiến	0,10	0,10		Điều chỉnh từ đất hành lang đường giao thông sang đất thương mại, dịch vụ (theo quy định hành lang đường mới)
4	Điều chỉnh từ đất thương mại dịch vụ sang đất giao thông để làm biên thủy nội địa (thuộc dự án Bãi trung chuyển, tập kết cát sỏi, đá	Tiên Sơn	0,02	0,02		Điều chỉnh diện tích 200 m ² trong tổng diện tích 18500m ² đất TMD thực hiện dự án

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
	xây dựng tại thôn Kim Sơn)					
5	Điều chỉnh từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất Thương mại dịch vụ (thực hiện dự án Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Khu công nghiệp Đình Trám)		0,30	0,30		Công văn số 2322/UBND- GT ngày 1/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Trường Mầm Non xã Tăng Tiến	Tăng Tiến	1,50	1,50		Điều chỉnh vị trí dự án từ xứ đồng Độc Ruồng sang xứ đồng Dụng Cụ thôn Phúc Long
7	Điều chỉnh Đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản			27,80	27,80	
	Khu núi Khổng, thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức	Minh Đức		5,00	5,00	QĐ 153/QĐ-UBND ngày 13/3/2019
	Khu vực đồi Thiết Nham, xã Minh Đức	Minh Đức		2,70	2,70	QĐ 644/QĐ-UBND ngày 26/4/2019
	Khu núi Nghè, xã Minh Đức	Minh Đức		0,99	0,99	QĐ 654/QĐ-UBND ngày 31/3/2020
	Khu núi Liên, thôn Kẹm, xã Minh Đức	Minh Đức		1,00	1,00	QĐ 365/QĐ-UBND ngày 06/5/2020
	Khu núi Nghè, xã Nghĩa Trung	Nghĩa Trung		0,61	0,61	QĐ 654/QĐ-UBND ngày 31/3/2020
	Khu núi Ba Cây, thôn Núi, xã Việt Tiến	Việt Tiến		1,00	1,00	QĐ 365/QĐ-UBND ngày 06/5/2020
	Khu núi Giá Sơn, núi Hữu Nghi và núi Nội Ninh, xã Ninh Sơn	Ninh Sơn		6,50	6,50	QĐ 1363/QĐ-UBND ngày 04/11/2019
	Khu vực núi Thiết Nham, thôn Thiết Nham, xã Minh Đức	Minh Đức		4,00	4,00	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu núi Phang, thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức	Minh Đức		2,00	2,00	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu núi Khổng, thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức	Minh Đức		4,00	4,00	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
8	Điều chỉnh từ đất trồng lúa sang đất sản xuất VLXD làm đồ gốm	Khu vực thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức		6,60	6,60	2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
	đất trồng lúa một vụ và đất chưa sử dụng sang đất sản xuất VLXD làm đồ gốm	Khu Đồng Trang, thôn Hạ, xã Thượng Lan		9,00	9,00	2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2012
X	HUYỆN LẠNG GIANG					
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
-	Xã Xương Lâm	Xương Lâm	11,80	4,70	-7,10	Chuyển sang xã Tân Hưng, Mỹ Thái, Tân Thanh và Tiên Lục
-	Xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng	8,57	10,57	2,00	Chuyển từ xã Xương Lâm
-	Xã Tiên Lục	Xã Tiên Lục	5,54	7,54	2,00	Chuyển từ xã Xương Lâm
-	Xã Mỹ Thái	Xã Mỹ Thái	6,27	6,77	0,50	Chuyển từ xã Xương Lâm
-	Xã Tân Thanh	Xã Tân Thanh	7,33	7,93	0,60	Chuyển từ xã Xương Lâm
-	Xã Đại Lâm	xã Đại Lâm	27,39	29,39	2,00	
2	Đất giao thông					
	Quy hoạch đường theo quy hoạch từ thôn Quang Hiến đi đường BT Nghĩa Hoà - Kép mở rộng	Quang Thịnh và Nghĩa Hoà	6,70	2,80	-3,90	Điều chỉnh tên và diện tích tuyến Quy hoạch tuyến giao thông kết nối Nghĩa Hưng - Quang Thịnh, STT 108, Biểu 10/CH
-	Quy hoạch tuyến giao thông kết nối cụm công nghiệp Nghĩa Hòa - TT Kép mở rộng - cụm công nghiệp Hương Sơn	Xã Hương Sơn, TT Kép, Tân Thịnh, Nghĩa Hòa	6,50		-6,50	Không có khả năng thực hiện
-	Quy hoạch giao thông tuyến đường huyện Xuân Hương - Tân Thịnh	Xã Hương Sơn, Mỹ Thái, Tân Thanh, Hương Lạc, Tân Thịnh	5,00		-5,00	Không có khả năng thực hiện
-	Quy hoạch đường liên xã	Xã Xương Lâm, Xã Phi Mô, TT Vôi	4,40		-4,40	Không có khả năng thực hiện
-	Nâng cấp đường TL 295 B đạt tiêu chuẩn đường cấp III (D=5km, HT=7m, QH = 25m)	Tân Dĩnh và TT Vôi	9,00	3,41	-5,59	Không có khả năng thực hiện

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	Số sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Quy hoạch khuôn viên, đường QL 1A và các tuyến đường trong khu dân cư	TT Kép	2,10		-2,10	Không có khả năng thực hiện
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Hồ Cao và làm đường GT, mương thoát nước (giac thông)	Hương Sơn	2,50		-2,50	Không có khả năng thực hiện
-	Quy hoạch mở mới và mở rộng các tuyến đường	Nghĩa Hoà, An Hà, Nghĩa Hưng, Đào Mỹ, Mỹ Thái, Yên Mỹ, Đại Lâm, Thái Đào	12,78		-12,78	Không có khả năng thực hiện
-	Quy hoạch 02 bãi đỗ xe đưa đón công nhân	Xã Đại Lâm	2,00		-2,00	Không có khả năng thực hiện
-	Quy hoạch mở mới và mở rộng các tuyến đường	Toàn huyện	23,23		-23,23	Không có khả năng thực hiện
-	Đường kết nối từ TL292 qua KCN An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc TP Bắc Giang	Các xã, thị trấn: Kép, An Hà, Hương Lạc, Tiên Lục, Tân Thanh, Vôi, Dương Đức, Mỹ Thái và Xuân Hương		45,00	45,00	Đang chuẩn bị đầu tư
-	Đường kết nối QL1-ĐT292-QL17-QL37 (Đoạn Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên)	Các xã, TT: Hương Sơn, Kép, Nghĩa Hoà, Nghĩa Hưng, Tiên Lục và Dương Đức		23,00	23,00	Đang chuẩn bị đầu tư
3	Đất an ninh					
-	Đồn công an thị trấn Kép	TT Kép	1,70	0,34	-1,36	Chuyển sang trụ sở công an huyện
-	Xây dựng Trụ sở CA huyện Lạng Giang	Xương Lâm	2,50	3,86	1,36	Điều chỉnh địa điểm và diện tích chuyển từ đồn công an TT Kép
4	Đất năng lượng					
-	Quy hoạch cây xăng toàn huyện	Toàn huyện	1,00	0,80	-0,20	Chuyển sang xã Đại Lâm
-	Xã Đại Lâm	Xã Đại Lâm		0,20	0,20	Chuyển từ toàn huyện sang
5	Đất nuôi trồng thủy sản					

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
-	Kế hoạch CMD SD sang đất nuôi trồng thủy sản	Toàn huyện	5,00	3,00	-2,00	Chuyển sang Hương Sơn
-	Xã Hương Sơn	Xã Hương Sơn		2,00	2,00	Chuyển từ toàn huyện sang
7	Đất ở tại nông thôn					
-	Quy hoạch đất ở	Xã Tân Dĩnh	20,00	6,40	-13,60	Điều chỉnh giảm diện tích
-	Khu dân cư thôn Mậu (Khu đối ứng BT 292)	Xã Thái Đào	4,80	11,60	6,80	Điều chỉnh tên và diện tích
-	Khu đô thị số 1 (Thôn Then)	Xã Thái Đào	9,90	9,90	0,00	Điều chỉnh tên STT 376
-	Khu đô thị số 3 (Thôn Giạ)	Xã Thái Đào		6,30	6,30	Bổ sung quy hoạch
-	Khu đô thị số 4 (Thôn Giạ)	Xã Thái Đào	9,00	9,50	0,50	Điều chỉnh tên và diện tích
8	Điều chỉnh Đất rừng sản xuất sang đất cho hoạt động khoáng sản			51,80	51,80	
-	Khu vực Hồ Vầu, xã Tân Hưng	Tân Hưng		5,00	5,00	QĐ số 1574/QĐ-UBND ngày 10/10/2018
-	Khu vực Cây Vả, thôn Hồ Vầu	Tân Hưng		5,00	5,00	QĐ số 361/QĐ-UBND ngày 05/5/2020
-	Khu vực Khe Cô Tư, thôn Kép 11, xã Hương Sơn	Hương Sơn		2,20	2,20	QĐ số 359/QĐ-UBND ngày 05/5/2020
-	Khu vực Khe Cô Tư, thôn Má Bắp, xã Hương Lạc	Hương Lạc		1,80	1,80	QĐ số 359/QĐ-UBND ngày 05/5/2020
	Khu Tân Phúc, thôn Tân Phúc, xã Đào Mỹ	Đào Mỹ		3,00	3,00	2104/QĐ-UBND ngày 26/12/2012
	Khu vực Đồng Mục, thôn Dầu, xã Đại Lâm	Đại Lâm		6,50	6,50	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu vực Rừng Cắm, thôn Nam Lễ, xã Xương Lâm	Xương Lâm		4,80	4,80	113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016
	Khu vực đồi Hồ Mốc, thôn Hương 8, xã Hương Sơn	Hương Sơn		7,00	7,00	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu Hồ Dẫy, thôn Kép 11 xã Hương Sơn	Hương Sơn		5,00	5,00	2073/QĐ-UBND ngày 08/12/2017

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm	Quy hoạch SDD đã phê duyệt	Điều chỉnh đến năm 2020	So sánh tăng +, giảm -	Ghi chú
	Khu vực Hồ Nóng, thôn Hương Thân, xã Hương Sơn	Hương Sơn		3,70	3,70	1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2018
	Khu vực Cây Vả, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng	Tân Hưng		4,80	4,80	
	Khu vực Rừng Giếng, thôn Hồ Vầu, xã Tân Hưng	Tân Hưng		3,00	3,00	113/QĐ-UBND ngày 26/01/2016

